

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính
thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2023**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 12/01/2023 của UBND tỉnh về việc rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính năm 2023;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số: 2420/TTr-VP ngày 13 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua phương án đơn giản hóa 254 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2023 (Phụ lục danh mục và nội dung đính kèm).

Điều 2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa có liên quan đến các lĩnh vực kiến nghị đơn giản hóa nêu tại Điều 1 của Quyết định này, có trách nhiệm:

1. Đối với các nội dung đề xuất giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Giao Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa chủ động triển khai, đôn đốc thực hiện giảm thời gian xử lý hồ sơ trên thực tế nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong quá trình xử lý hồ sơ, thủ tục hành chính.

2. Đối với các nội dung đề xuất đơn giản hóa, kiến nghị các Bộ, ngành Trung ương: Thường xuyên theo dõi, phối hợp tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh trong việc triển khai thực thi các phương án đơn giản hóa, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính

theo nội dung kiến nghị sau khi các quy phạm pháp luật tương ứng được điều chỉnh hoặc ban hành mới phù hợp.

Điều 3. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực thi các Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố Long Khánh, thành phố Biên Hòa và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Văn phòng Chính phủ (Cục KSTTHC);
- Bộ Ngoại giao; Bộ Công thương;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Bộ Tư pháp;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Bộ Nội vụ; Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Giao thông vận tải; Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Khoa học và Công nghệ; Thanh tra Chính phủ;
- Q.Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTN, KTNS, THNC, HCTC, HCC.



Q. CHỦ TỊCH

Võ Tấn Đức



I
Phụ lục I
DANH MỤC PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 2188/QĐ-UBND ngày 14/9/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất	
I. SỞ NGOẠI VỤ					
A. Lĩnh vực công tác lãnh sự					
1	1	2.002352	Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao	Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao	
2	2	2.002353	Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao		
3	3	2.002354	Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao		
II. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG					
A. CẤP TỈNH					
A1. Lĩnh vực Phát thanh, truyền hình - Thông tin điện tử					
4	1	2.001765	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tin hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh	Điều 02, Nghị định 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
5	2	2.001091	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp	- Tiết b, điểm 3, khoản 15, Điều 1, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ;	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
			- Điểm b, Khoản 3, Điều 8, Thông tư 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.	
A2.		<i>Lĩnh vực Xuất bản, In và Phát hành</i>		
6	3	1.003868	Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh	Đối tượng thực hiện TTHC: <i>Bãi bỏ cơ quan, tổ chức nhà nước</i>
A3.		<i>Lĩnh vực Báo chí</i>		
7	4	1.009374	Cấp giấy phép xuất bản báo tin	Mẫu đơn, tờ khai: <i>Bổ sung biểu mẫu sơ yếu lý lịch chung</i>
B.		CẤP HUYỆN		
B1.		<i>Lĩnh vực Phát thanh, Truyền hình và Thông tin điện tử</i>		
8	5	2.001885	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
9	6	2.001884	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
10	7	2.001880	Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Giảm thời gian giải quyết TTHC

III

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
11	8	2.001786	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Khoản 2 Điều 35d, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
III.			SỞ CÔNG THƯƠNG		
A.			CẤP TỈNH		
A1.		Nhóm thủ tục Lĩnh vực Kinh doanh khí			
12	1	2.000142	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG	Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ- CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
13	2	2.000078	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG		
14	3	2.000166	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		
15	4	2.000390	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG		
16	5	2.000354	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		
17	6	1.000481	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG		
A2.		Nhóm thủ tục Lĩnh vực An toàn thực phẩm			
18	7	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Điều chỉnh “Mẫu số 2a và 2b” Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.	Mẫu đơn, tờ khai: Điều chỉnh mẫu đơn, mẫu tờ khai
19	8	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện		

IV

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
B.	CẤP HUYỆN			
B1.	Lĩnh vực an toàn đập, hồ chứa thủy điện			
20	9	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện	- Điểm b, Khoản 3, Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
21	10	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện		
B2.	Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước			
22	11	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Khoản 19, Điều 16, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
23	12	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
24	13	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ	Giám thành phần hồ sơ
25	14	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	Điểm c, Khoản 2, Điều 25 Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
26	15	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Điểm d, Khoản 3, Điều 26 Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ	Giám thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất	
B3. Nhóm thủ tục Lĩnh vực An toàn thực phẩm					
27	16	2.000591	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện		
28	17	2.000535	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện	Mẫu số 2a và 2b Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Giảm thành phần hồ sơ
B4. Lĩnh vực Công nghiệp địa phương					
29	18	2.002096	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện	Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C. CẤP XÃ					
C1. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện					
30	19	2.000184	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã		
31	20	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
IV. SỞ XÂY DỰNG					
A. CẤP TỈNH					
A1. Lĩnh vực Vật liệu xây dựng					

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
32	1	Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	- Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017; - Khoản 3 Điều 5 Thông tư số 10/2017/TT-BXD của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A2.	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
33	2	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	- Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng. - Điểm e, Khoản 1, Điều 102 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi tại Khoản 36, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
34	3	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	- Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thành phần hồ sơ
35	4	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	- Khoản 16, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Điều 37 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

VII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
36	5	1.009973	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Giảm thành phần hồ sơ
37	6	1.009982	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, III	Giảm thành phần hồ sơ
38	7	1.009983	Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Giảm thành phần hồ sơ
39	8	1.009928	Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	Giảm thành phần hồ sơ
40	9	1.009987	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, III	Giảm thành phần hồ sơ
A3.	Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng			
41	10	1.008432	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng	- Giảm thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai
B.	CẤP HUYỆN			
BI.	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng			
42	11	1.009996	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyên/Theo tuyên trong đó thí/Tin ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài)	Giảm thời gian giải quyết TTHC

VIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	tại Khoản 36, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.	
43	12	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	- Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
44	13	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	- Khoản 16, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Điều 37 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021	Giảm thời gian giải quyết TTHC
45	14	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp)	- Điều 37 Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ; - Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.	Giảm thành phần hồ sơ
B2.		Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng		
46	15	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện	Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	- Giảm thời gian giải quyết TTHC; - Mẫu đơn, tờ khai: Bổ sung mẫu đơn và mẫu văn bản

IX

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
					cung cấp thông tin quy hoạch
V.		SỐ TƯ PHÁP			
A.		CẤP TỈNH			
A1.		Lĩnh vực Công chứng			
47	1	1.000100	Bỏ nhiệm lại Công chứng viên	Khoản 4, Điều 16, Luật Công chứng	
48	2	1.001721	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng	Khoản 3 Điều 16 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp	Giảm thời gian giải quyết TTHC
49	3	1.000075	Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm)	Khoản 1, Điều 15, Luật Công chứng năm 2014	
A2.		Lĩnh vực Luật sư			
50	4	1.002218	Hợp nhất công ty luật	Khoản 2, Điều 12, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
51	5	1.002234	Sáp nhập công ty luật	- Khoản 2, Điều 13, Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ.	
A3.		Lĩnh vực Trọng tài thương mại			
52	6	1.008890	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác	Khoản 2, Điều 08, Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
53	7	1.008904	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	Khoản 2, Điều 11, Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ;	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A4.		Lĩnh vực Giám định Tư pháp		
54	1.001122	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh	Khoản 2, Điều 9, Luật Giám định tư pháp 2012.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
55	2.000823	Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp	Khoản 3, Điều 17, Luật Giám định tư pháp 2012	
A5.		Lĩnh vực Quản tài viên và hành nghề Quản lý, thanh lý tài sản		
56	1.002626	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân	Khoản 3, Điều 9, Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
57	1.008727	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản	Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A6.		Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý		
58	2.000518	Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý	Khoản 2 và Khoản 3, Điều 19, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ;	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B.		CÁP HUYỆN		
B1.		Lĩnh vực Hộ tịch		
59	2.000748	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp	Đơn giản hóa Mẫu đơn, mẫu tờ khai
60	2.002189	Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Khoản 2, Điều 50, Luật Hộ tịch năm 2014	Giảm thời gian giải quyết TTHC

XI

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
61	15	2.000554	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		
62	16	2.000779	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014	Giảm thời gian giải quyết TTHC
63	17	1.001695	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B2.		Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở			
64	18	2.000424	Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Khoản 3, 4, 5, Điều 18, Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ	- Giảm thời gian giải quyết TTHC; - Bổ sung Mẫu đơn, tờ khai.
C.		CẤP XÃ			
C1.		Lĩnh vực Hộ tịch			
65	19	1.004884	Đăng ký lại khai sinh	- Khoản 2 Điều 26 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
66	20	1.004746	Đăng ký lại kết hôn	- Khoản 2 Điều 27 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
67	21	Đăng ký lại khai tử	- Khoản 2 Điều 28 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ; - Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.	
68	22	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	- Khoản 1, Điều 2 của Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư pháp; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
69	23	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Khoản 3, Điều 22 của Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C2. Lĩnh vực hòa giải ở cơ sở				
70	24	Thôi làm hòa giải viên	Khoản 2, Điều 14, Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
71	25	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Khoản 2, Điều 15 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ.	
VI. SỐ Y TẾ				
A CẤP TỈNH				
A1. Lĩnh vực Khám bệnh, chữa bệnh				
72	1	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khoản 4, khoản 5 Điều 5 Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ

XIII

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
73	2	1.003824	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Điểm c, Khoản 2, Điều 8, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
74	3	1.001907	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của sở y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của bộ y tế và bộ quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập	Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo	Bãi bỏ thủ tục hành chính
75	4	1.002058	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã		
A2.		Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng			
76	5	1.003108	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A3.		Lĩnh vực Giám định y khoa			
77	6	1.002706	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động		
78	7	1.002694	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp	Điểm d, khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
79	8	1.002671	Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động		
80	9	1.002208	Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất		

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
81	10	1.002190	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai	
82	11	1.002168	Hồ sơ khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần	
83	12	1.002146	Hồ sơ khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát	
84	13	1.002136	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động	
85	14	1.002118	Khám giám định tổng hợp	
A3.		Lĩnh vực Y tế dự phòng		
86	15	1.004568	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng	Giảm thành phần hồ sơ
B.		CẤP HUYỆN (Lĩnh vực An toàn thực phẩm và Dinh dưỡng)	Điểm C, Khoản 1, Điều 4, Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên Bộ Y tế - Bộ Công an	
87	16	1.002425	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C.		CẤP XÃ (Lĩnh vực Dân số - Kế hoạch hóa gia đình)		
88	17	1.002192	Cấp Giấy Chứng Sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất	
VII. SỐ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN					
A. CẤP TỈNH					
A1. Lĩnh vực Thủy lợi					
89	1	1.003867	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý	Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL, ngày 29/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A2. Lĩnh vực trồng trọt, Bảo vệ thực vật					
90	2	1.004363	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV, ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
91	3	1.004346	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật		
A3. Lĩnh vực Phát triển nông thôn					
92	4	1.003695	Công nhận làng nghề	Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT, ngày 12/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A4. Lĩnh vực Thủy sản					
93	5	1.004692	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	Điểm b Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP, ngày 08/3/2019 của Chính phủ.	Giảm Thành phần hồ sơ
94	6	1.003650	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	Điểm d, Khoản 7, Điều 21 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT, ngày 15/11/2028 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A4.	Lĩnh vực khoa học, công nghệ, môi trường và khuyến nông			
95	7 1.003618	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 2159/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A5.	Lĩnh vực Lâm nghiệp			
96	8 1.004815	Đăng ký mã cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES	Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/03/2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A6.	Lĩnh vực chăn nuôi			
97	9 1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
98	10 1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng	Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B.	CẤP HUYỆN			
B1.	Lĩnh vực Nông nghiệp			
99	11 1.003605	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29-06-2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B2.	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
100	12 2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	- Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật An toàn thực phẩm năm 2010;	- Giảm Thành phần hồ sơ;

XVII

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
				- Khoản 4 Điều 17 Thông tư 38/2018/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	- Giám thời gian giải quyết TTHC
101	13	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19-01-2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C.		CẤP XÃ			
Cl.		Lĩnh vực phòng, chống thiên tai			
102	14	2.002162	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh	Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11-09-2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
103	15	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04-08-2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Giảm thời gian giải quyết TTHC
VIII.		SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG			
A.		CẤP TỈNH			
A1.		Lĩnh vực Tài nguyên nước			
104	1	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm		
105	2	1.004223	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m ³ /ngày đêm	Điểm a, Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

XVIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
106	3	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m ³ /ngày đêm	Điểm a, Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Giảm thời gian giải TTHC
107	4	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm	Điểm a, Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Giảm thời gian giải TTHC
108	5	Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m ³ /giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m ³ , hoặc lưu lượng khai thác từ 2m ³ /giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m ³ , hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m ³ /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m ³ /ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản	Điểm a, Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ	Giảm thời gian giải TTHC

XIX

Sst	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m ³ /ngày đêm		
A2.	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản			
109	6	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh)	Khoản 4, Điều 68 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
110	7	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)		
111	8	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản	Điểm b, Khoản 1, Điều 49 và Khoản 6, Điều 58 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
112	9	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản *	Điểm b, Khoản 4, Điều 49 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
113	10	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Khoản 4, Điều 51, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
114	11	Đóng cửa mỏ khoáng sản	Khoản 4 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
115	12	Cấp phép khai thác tận thu khoáng sản		
116	13	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình	Khoản 1, Điều 52, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A3.	Lĩnh vực Môi trường			
117	14	Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết
A4.	Lĩnh vực Đất đai			
118	15	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Giảm thành phần hồ sơ
119	16	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đối tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	Khoản 40, Điều 02, Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
120	17	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận	Điểm b, khoản 4, Điều 3, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	Giảm thành phần hồ sơ

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
121	18	1.004193	Đính chính Giấy chứng nhận địa cấp	Khoản 3, Điều 10, Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Giảm thành phần hồ sơ
B.		CẤP HUYỆN			
B1.		Lĩnh vực Đất đai			
122	19	1.005187	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam (TTHC cấp huyện)	Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 03 năm 2016 Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Bãi bỏ thủ tục hành chính
B2.		Lĩnh vực Môi trường			
123	20	1.010725	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện)	Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường	Giảm thời gian giải quyết
C.		CẤP XÃ			
C1.		Lĩnh vực Đất đai			
124	21	1.003554	Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)	Khoản 3, Điều 202, Luật Đất đai	Giảm thời gian giải quyết TTHC
IX.		SỞ NỘI VỤ			
A.		CẤP TỈNH			
AI.		Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng			

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
125	1.000898	Tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề	Điểm b, Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
126	2.000422	Tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đột xuất	- Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ; - Điều 55 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thành phần hồ sơ
127	2.000418	Tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình	Điểm b, Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
128	1.000681	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại	Điểm b, Khoản 2, Điều 48 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
42.	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo			
129	1.001894	Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Điều 21, 22, 23 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Giảm thành phần hồ sơ
130	2.000264	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Điều 19, 32 và Khoản 3, Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Giảm thành phần hồ sơ
131	1.001775	Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Điều 21, 29, 30 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Giảm thành phần hồ sơ
132	1.000766	Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh	Điều 18, 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo	Giảm thành phần hồ sơ

XXIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
B.	CẤP HUYỆN			
B1.	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng			
133	9	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề	Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
134	10	Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến	Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
135	11	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình	Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B2.	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo			
136	12	Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện	Điều 4, Khoản 3, Điều 46 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
137	13	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Điều 4, Khoản 3, Điều 46 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
138	14	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện	Điều 4, Khoản 3, Điều 45 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B2.	Lĩnh vực Tổ chức phi chính phủ (quản lý nhà nước về Hội)			
139	15	1.003841 Công nhận Ban vận động thành lập Hội	Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
140	16	Thành lập Hội cấp huyện	- Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính Phủ; - Khoản 4, Khoản 5, Điều 7 Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ.	- Giám thời gian giải quyết TTHC; - Giám thành phần hồ sơ
141	17	Phê duyệt Điều lệ Hội (cấp huyện)	Điều 8, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ;	Giảm thời gian giải quyết TTHC
142	18	Hội tự giải thể (cấp huyện)	Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
143	19	Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện	Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C.	CẤP XÃ			
Cl.	Lĩnh vực Thi đua – Khen thưởng			
144	20	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình	Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09-03-2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C2.	Lĩnh vực Tín ngưỡng, tôn giáo			
145	21	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Điểm a, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
146	22	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Điểm a, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Sst	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
X.	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ			
A.	CẤP TỈNH			
Al.	Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp			
147	1	2.002044	Khoản 4, Điều 31, Luật Doanh nghiệp 2020	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết		
148	2	2.001992		
		Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết		
149	3	2.001954		
		Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)		
150	4	1.010026	Khoản 2, Điều 69, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền		
151	5	2.002018		
		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác		
152	6	2.002015	Điều 63, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		Cấp nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp		
153	7	2.002029	Khoản 3, Điều 66, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
		Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)		

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
154	8	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Khoản 3, Điều 72, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
155	9	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Khoản 5, Điều 32, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
156	10	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp	Khoản 7, Điều 70, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
A2		Lĩnh vực Đầu tư bằng vốn hỗ trợ chính thức (ODA) và Viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức		
157	11	Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		Giảm thời gian giải quyết TTHC
158	12	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 6, Điều 10, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
159	13	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc		Giảm thời gian giải quyết TTHC

XXVII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
		thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh		
XI. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI				
A. CẤP TỈNH				
AI. Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp				
160	1	1.010587 Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Khoản 2, Điều 12 của Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
161	2	1.010590 Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập	Khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
162	3	1.010592 Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập	Khoản 4, Điều 13 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
163	4	1.010593 Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực	Khoản 1, Điều 15 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
164	5	1.010596 Thời công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực	Khoản 2, Điều 19 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A2.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
165	6 1.001806	Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật	Quyết định số 220/QĐ-LĐTBXH ngày 27/02/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bãi bỏ thủ tục hành chính
166	7 1.001310	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em	Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Bãi bỏ thủ tục hành chính
167	8 1.001305	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em		
168	9 2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện	Điểm d, Khoản 1, Điều 28, Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	- Cơ quan thực hiện TTHC; - Giám thời gian giải quyết TTHC.
A3.	Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội			
169	10 2.000027	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Điều 12, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
170	11 2.000032	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Điều 11, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
171	12 2.000036	Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Điều 13, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC

XXIX

Sst	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A4.		Lĩnh vực Chính sách lao động		
172	13	1.000105 Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài	Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
173	14	2.000134 Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	- Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ - Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017.	Bãi bỏ thủ tục hành chính
174	15	1.000479 Cấp giấy phép cho thuê lại lao động	Khoản 3, Điều 25 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
175	16	1.000464 Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Điểm b, Khoản 3, Điều 26 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
176	17	2.002341 Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động; huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động	Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
177	18	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập)	Khoản 11, Điều 1, Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
178	19	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Bãi bỏ thủ tục hành chính
179	20	Công nhận thương binh, hưởng chính sách như thương binh	Khoản c, Điểm 2, điều 39 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
180	21	Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Khoản a, Điểm 3, Điều 90 Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
A7.		<i>Lĩnh vực việc làm</i>		
181	22	2.000178	Chuyển nơi hướng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
182	23	1.000401	Chuyển nơi hướng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến)	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B.		CẤP HUYỆN		
B1.		<i>Lĩnh vực Phòng chống tệ nạn xã hội</i>		
183	24	1.010940	Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	- Giảm thành phần hồ sơ; - Giảm thời gian giải quyết TTHC.
184	25	Quy định hành chính	Công bố lại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Giảm thành phần hồ sơ
185	26	1.010938	Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Giảm thời gian giải quyết TTHC
186	27	1.010939	Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
B2.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
187	28	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Mục 2, Điều 09, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	Giảm thời gian giải quyết TTHC
188	29	Thực hiện, điều chỉnh, thời hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ	Giảm thành phần hồ sơ
189	30	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B3.	Lĩnh vực người có công			
190	31	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Khoản 3, Điều 28, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
191	32	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Khoản 3, Điều 122, Khoản 3, Điều 123, Khoản 3, Điều 124, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B4.	Lĩnh vực Giáo dục nghề nghiệp			
192	33	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	- Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Khoản d, Khoản e, Mục 2, Điều 4 thuộc Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính	Giảm thành phần hồ sơ

XXXIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
C.	CẤP XÃ			
CI.	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội			
193	34	1.001699 Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25-04-2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	- Giám thời gian giải quyết TTHC; - Giám thành phần hồ sơ
194	35	1.011609 Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03-04-2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội	- Giám thời gian giải quyết TTHC; - Giám thành phần hồ sơ
195	36	1.011607 Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Khoản 2, Điều 5 tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTG ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
196	37	1.011608 Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Khoản 2, Điều 5 tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTG ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
197	38	2.000355 Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Khoản 2, Điều 47, Nghị định số 103/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ	Giám thời gian giải quyết TTHC
XII.	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO			
A.	CẤP TỈNH			
AI.	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo			

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
198	1.000691	Công nhận trường Trung học đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giám thời gian giải quyết TTHC
199	1.000280	Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giám thời gian giải quyết TTHC
200	1.000288	Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia	Quyết định số 2108/QĐ-BGDDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giám thời gian giải quyết TTHC
201	1.001714	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (đối với người khuyết tật là học sinh THPT học tại cơ sở giáo dục công lập)	Tiết 1, Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; Bộ Tài chính	Giám thành phần hồ sơ
202	1.005074	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục	Quyết định số 2180/QĐ-BGDDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giám thời gian giải quyết TTHC
203	1.006446	Cho phép hoạt động giáo dục đối với Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam		Giám thành phần hồ sơ
204	1.001497	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục		Giám thời gian giải quyết TTHC
205	1.006388	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thực		- Giám thành phần hồ sơ;

XXXV

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
				- Giảm thời gian giải quyết TTHC
206	9	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam	Quyết định số 2563/QĐ-BGDDT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thời gian giải quyết TTHC
207	10	Công nhận tính đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2344/QĐ-BGDDT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bãi bỏ thủ tục hành chính hiện (Thực hiện TTHC nội bộ)
208	11	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; - Quyết định số 2344/QĐ-BGDDT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bãi bỏ thủ tục hành chính hiện (Thực hiện TTHC nội bộ).
A2.		Lĩnh vực Giáo dục Trung học		
209	12	Chuyển trường đối với học sinh Trung học phổ thông	Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ. - Bãi bỏ thủ tục hành chính tại Quyết định số 941/QĐ-BGDDT ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Bãi bỏ thủ tục hành chính (Phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC)

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
210	13	1.001088 Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học	- Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo - Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Giảm thành phần hồ sơ
A3.		Lĩnh vực Văn bản, chứng chỉ		
211	14	1.005092 Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc	Điểm b, Khoản 1, Điều 31, Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ
212	15	2.001914 Chỉnh sửa nội dung văn bản, chứng chỉ	Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B		CẤP HUYỆN		
B1.		Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo		
		Nhóm thủ tục		
213	16	2.002481 1) Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở.	- Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.	Bãi bỏ thủ tục hành chính (Phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC)
214	17	2.002482 2) Tiếp nhận học sinh THCS Việt Nam về nước.	- Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	
215	18	2.002483 3) Tiếp nhận học sinh THCS người nước ngoài		
216	19	1.005106 Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ	- Khoản 2, mục B, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ;	- Bãi bỏ thủ tục hành chính (Thực hiện TTHC nội bộ);

XXXVII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
			- Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	- Cơ quan thực hiện TTHC: Đề nghị phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC.
217	20	1.005097 Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã	- Khoản 4, mục B, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 2108/QĐ-BGDDT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Cơ quan thực hiện TTHC: Đề nghị phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC
Nhóm thủ tục:				
218	21	1.001622	1) Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Cơ quan thực hiện TTHC: Đề nghị giữ nguyên phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC
219	22	1.008950	2) Trợ cấp đối với trẻ em mẫu non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Cơ quan thực hiện TTHC: Đề nghị giữ nguyên phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC
220	23	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Cơ quan thực hiện TTHC: Đề nghị giữ nguyên phân cấp Cơ quan thực hiện TTHC

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
221	24	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thời gian giải quyết TTHC
222	25	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Điểm d, Khoản 3, Điều 6 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
223	26	Sáp nhập, chia tách Trường Trung học cơ sở	Điểm c, Khoản 3, Điều 26 Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
224	27	Thành lập Trung tâm học tập cộng đồng	Khoản 3, Điều 43 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
225	28	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Khoản 3, Điều 43 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
B2.		Lĩnh vực Hệ thống văn bản, chứng chỉ		
226	29	Cấp bản sao văn bản, chứng chỉ từ sổ gốc	Điểm b, Khoản 1, Điều 31 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo	Giảm thành phần hồ sơ
XIII.		SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI		
227	1	Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	- Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ. - Khoản 3, Điều 38, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Giảm thành phần hồ sơ

XXXIX

Stt		Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
228	2	1.002820	Cấp lại giấy phép lái xe	- Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Điểm d, Khoản 2, Điều 36, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Giám thành phần hồ sơ
229	3	1.002801	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	- Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Điểm b, Khoản 1 và Điểm d, Khoản 2, Điều 40, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Giám thành phần hồ sơ
230	4	1.002804	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	- Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Khoản 4, Điều 39, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Giám thành phần hồ sơ
231	5	1.002796	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài	- Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ; - Điểm c, Khoản 1, Điều 41, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.	Giám thành phần hồ sơ
XIV. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH					
A. CẤP TỈNH					
AI. Lĩnh vực Văn hoá					
232	1	1.001123	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật		Giám thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
233	2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử; - Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử; - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Giảm thành phần hồ sơ
234	3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử; - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Giảm thành phần hồ sơ
235	4	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử;	Giảm thành phần hồ sơ
236	5	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;	Giảm thành phần hồ sơ
237	6	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường		Giảm thành phần hồ sơ
238	7	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)		Giảm thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
239	8	1.000919	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	- Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Giám thành phần hồ sơ
A2.		Lĩnh vực Thể dục thể thao		
240	9	1.002445	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện hành chính trên môi trường điện tử; - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch. Giám thành phần hồ sơ
241	10	1.003441	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận	Giám thành phần hồ sơ
242	11	1.000983	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng	Giám thành phần hồ sơ
A3.		Lĩnh vực Du lịch		
243	12	1.003240	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ; Giám thành phần hồ sơ

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
244	13	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	- Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	Giảm thành phần hồ sơ
	B.	CẤP HUYỆN		
	Bl.	Lĩnh vực Văn hoá		
245	14	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ; - Khoản 4, Điều 12, Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ; - Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ; - Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.	- Giảm thành phần hồ sơ; - Giảm thời gian giải quyết TTHC
246	15	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)	Khoản 3, Điều 11, Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
247	16	Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm	Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ	- Giảm thành phần hồ sơ; - Giảm thời gian giải quyết TTHC

XLIII

Stt	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
C.	CẤP XÃ			
C1.	Lĩnh vực Văn hóa			
248	23	1.003622 Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Khoản 2, Điều 17, Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.	Giảm thời gian giải quyết TTHC
249	24	1.001120 Xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa	Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ	- Bỏ thành phần hồ sơ; - Giảm thời gian giải quyết TTHC
C2.	Lĩnh vực Thư viện			
250	25	1.008903 Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng	Điểm a, Khoản 2, Điều 23, Nghị định số 93/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ	Giảm thời gian giải quyết TTHC
C3.	Lĩnh vực Thể dục thể thao			
251	26	2.000794 Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	Khoản 2, Điều 3, Thông tư số 18/2011/TT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Giảm thời gian giải quyết TTHC
XV.	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ			
252	1	2.001269 Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia	- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ; - Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Bãi bỏ thủ tục hành chính

Sst	Mã số TTHC	Tên Thủ tục hành chính	Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa	Nội dung đề xuất
253	2	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ	- Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ - Điểm c khoản 4 Điều 6 Thông tư số 03/2014/TT-BKHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; - Quyết định số 819/QĐ-BKHCN ngày 17/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ	Bãi bỏ thủ tục hành chính
XVL				
		THANH TRA TỈNH (Lĩnh vực Tiếp công dân)		
254	1	Tiếp công dân tại cấp xã	Khoản 1, Điều 28, Luật Tiếp công dân	Giảm thời gian giải quyết TTHC

Phụ lục II
NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA TỈNH ĐỒNG NAI NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số: 2188/QĐ-UBND ngày 14/9/2023
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

I. SỞ NGOẠI VỤ

A. LĨNH VỰC CÔNG TÁC LÃNH SỰ

** Nhóm thủ tục:*

1. Cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002352)

2. Gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002353)

3. Cấp công hàm đề nghị phía nước ngoài cấp thị thực tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao (Mã số TTHC: 2.002354)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất bãi bỏ 03 thủ tục hành chính (TTHC) nêu trên ra khỏi Bộ thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao công bố các thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao.

- Lý do:

+ Ngày 02/4/2023, Bộ Ngoại giao có Văn bản số 1994/BNG-VP về việc xin ý kiến dự thảo Quyết định công bố TTHC nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao, trong đó có 03 thủ tục hành chính nêu trên.

+ Trong quá trình tiếp nhận và xử lý hồ sơ trên trang một cửa điện tử của tỉnh: <https://motcua.dongnai.gov.vn>, nhận thấy người dân không thuộc đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ theo quy định nhưng thường xuyên thực hiện việc nộp hồ sơ trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính: (1) Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao; (2) Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao tại trang: <https://dichvucong.dongnai.gov.vn>.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Ngoại giao sửa đổi Quyết định số 2408/QĐ-BNG ngày 21/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao công bố các thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực lãnh sự thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Ngoại giao.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giúp cho người dân không bị nhầm lẫn về hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (do Bộ Ngoại giao cấp) với hộ chiếu phổ thông (do Bộ Công an cấp) khi thực hiện nộp hồ sơ thủ tục hành chính.

- Người dân không nộp nhầm hồ sơ trực tuyến đối với 02 thủ tục hành chính gây mất thời gian, gồm: (1) *Thủ tục cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao*; (2) *Thủ tục gia hạn hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ (không gắn chip điện tử) tại cơ quan trong nước của Bộ Ngoại giao*.

II. SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH - THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

4. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh (2.001765)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết: Từ 12 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, Sở nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản gồm: tờ khai đăng ký; bản sao có chứng thực kèm theo bản gốc để đối chiếu các loại giấy tờ: giấy phép thành lập; giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; văn bản thuê, mượn địa điểm lắp đặt thiết bị, giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại Điều 02, Nghị định 71/2022/NĐ-CP ngày 01/10/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 06/2016/NĐ-CP ngày 18/01/2016 của Chính phủ về quản lý, cung cấp và sử dụng dịch vụ phát thanh, truyền hình.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ/ngày = 3.000.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ/ngày = 1.750.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,6%

5. Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (2.001091)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết như sau: Từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

- Lý do: qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính, nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, gồm: văn bản đề nghị gia hạn và bản sao giấy phép đã được cấp. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện cho cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, đề xuất Chính phủ giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại tiết b, Điểm 3, Khoản 15, Điều 1, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/3/2018 của Chính phủ.

- Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu giảm thời gian giải quyết đối với thủ tục hành chính nêu trên được quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 8, Thông tư 09/2014/TT-BTTTT ngày 19/8/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ/ngày = 2.500.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ/ngày = 1.750.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 750.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 42,8%.

A2. LĨNH VỰC XUẤT BẢN, IN VÀ PHÁT HÀNH

6. Cấp Giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (1.003868)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Đề nghị bỏ đối tượng là cơ quan, tổ chức nhà nước.

- Lý do: Theo quy định của Luật phổ biến, giáo dục pháp luật 2013 thì việc tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là trách nhiệm của toàn bộ hệ thống chính trị và cơ quan, tổ chức có thể sử dụng hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp để đảm bảo đem lại hiệu quả (tại khoản 1 Điều 3 và khoản 8 Điều 11). Như vậy, việc biên soạn và sử dụng tài liệu không kinh doanh trong công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục phổ biến pháp luật trên thực tiễn gắn liền với chuyên môn và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị. Do đó, các cơ quan, đơn vị không phải xin thủ tục cấp giấy phép.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu, trình Chính phủ đề xuất Quốc hội bỏ đối tượng là cơ quan, tổ chức nhà nước được quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 25 Luật Xuất bản năm 2012.

A3. LĨNH VỰC BÁO CHÍ

7. Cấp giấy phép xuất bản bản tin (1.009374)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Đối với thành phần hồ sơ: “Sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin”: Cần có biểu mẫu chung, trích lược ngắn gọn.

- Lý do: Hiện nay trên thị trường có nhiều mẫu sơ yếu lý lịch cung cấp thông tin cá nhân phục vụ các mục đích khác nhau (người đang công tác, xin việc...), do đó cần phải ban hành mẫu sơ yếu lý lịch dành cho người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin gồm các thông tin cơ bản và trích lược ngắn gọn về quá trình công tác đối với thủ tục hành chính xin cấp phép xuất bản bản tin.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Thông tin và Truyền thông nghiên cứu ban hành biểu mẫu chung đối với thành phần hồ sơ có sơ yếu lý lịch của người chịu trách nhiệm xuất bản bản tin.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ

8. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (2.001885)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống 06 ngày.

Lý do: Nhu cầu thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ, nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 02, Điều 35b, NĐ 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công X 260.000đ = 2.600.000đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 06 ngày công X 260.000đ = 1.560.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.040.000đ (04 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

9. Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (2.001884)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày.

Lý do: Nhu cầu thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ, nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 02 Điều 35c Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000đ = 1.300.000đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công X 260.000đ = 780.000đ.

Chi phí tiết kiệm: 520.000đ (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

10. Gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (2.001880)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày.

Lý do: Nhu cầu thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ, nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 35d NĐ 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000đ = 1.300.000đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công X 260.000đ = 780.000đ.

Chi phí tiết kiệm: 520.000đ (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

11. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng (2.001786)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 03 ngày.

Lý do: Nhu cầu thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ, nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 35d NĐ 27/2018/NĐ-CP ngày 01/03/2018

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000đ = 1.300.000đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công X 260.000đ = 780.000đ.

Chi phí tiết kiệm: 520.000đ (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

III. SỞ CÔNG THƯƠNG

A. CẤP TỈNH

A.1. LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ

** Nhóm thủ tục:*

12. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mã số TTHC: 2.000142);

13. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG (Mã số TTHC: 2.000078);

14. Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mã số TTHC: 2.000166);

15. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG (Mã số TTHC: 2.000390);

16. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mã số TTHC: 2.000354);

17. Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG (Mã số TTHC: 1.000481).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thành phần hồ sơ. Cụ thể, như sau: Bỏ “Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan”.

- Lý do:

+ Theo quy định Điều 37 tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí “Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG thì cũng không có “Tài liệu chứng minh có trạm nén CNG đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan”.

+ Theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí “Điều 7. Điều kiện đối với thương nhân sản xuất, chế biến khí, Cụ thể tại Khoản 3. *Đối với thương nhân sản xuất, chế biến CNG ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này phải có trạm nén khí CNG*”. Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG là hoạt động mua CNG từ thương nhân sản xuất, chế biến khí (đã có trạm nén) nên thương nhân kinh doanh mua bán không cần phải có trạm nén.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP ngày 15/6/2018 của Chính phủ về kinh doanh khí như sau: “4. *Đối với thương nhân kinh doanh mua bán CNG ngoài đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều này và phải có xe bồn CNG, trạm cấp CNG hoặc trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải đáp ứng đủ các điều kiện về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định của pháp luật*”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ thủ tục hành chính sẽ góp phần giảm chi phí của người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.
- Giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Công Thương;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (01 bộ hồ sơ trạm nén của doanh nghiệp khoảng 50.000 đồng/01 bộ hồ sơ): Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 25 tờ/01 bộ hồ sơ trạm nén, chi phí = 25 tờ x 2.000 đồng/tờ = 50.000 đồng/01 bộ hồ sơ;
- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng;
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ = 50.000 đồng/01 bộ hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2022: 50.000 đồng x 0 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 0 đồng.

A2. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

** Nhóm thủ tục:*

18. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công thương thực hiện (2.000591);

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

Lý do:

Khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, trong nội dung Biên bản thẩm định tại phần I “Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm” có các nội dung tại mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Vậy khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, đoàn tiến hành kiểm tra, đánh giá trang thiết bị, dụng cụ. Không cần phải liệt kê trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị điều chỉnh “Mẫu số 2a và 2b” Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận;

- Giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Công Thương;

- Chi phí tuân thủ thực hành chính trước khi đơn giản hóa khoảng 60.000 đồng/bộ x 22 bộ/năm = 1.3200.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.000 đồng/bộ x 22 bộ/năm: 880.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,66%.

19. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000535).

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Mẫu đơn, tờ khai: Bãi bỏ mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

- Lý do:

Khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, trong nội dung Biên bản thẩm định tại phần I “Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm” có các nội dung tại mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Vậy khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, đoàn tiến hành kiểm tra, đánh giá trang thiết bị, dụng cụ, không cần phải liệt kê trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị điều chỉnh “Mẫu số 2a và 2b” Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí và giảm thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hộ kinh doanh trong việc thực hiện thủ tục cấp, cấp lại Giấy chứng nhận;

- Giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Công Thương;

- Chi phí tuân thủ thực hành chính trước khi đơn giản hóa 60.000 đồng/bộ x 14 bộ/năm = 840.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 40.000 đồng/bộ x 14 bộ/năm: 560.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,66%.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN

20. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (1.000473)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại điểm b, khoản 3, Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2022) = 4.240.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2022) = 3.816.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 4.240.000 đồng - 3.816.000 đồng = 424.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

21. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp huyện (2.000599)

a) Nội dung đơn giản hóa :

Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Khoản 3, Điều 26 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04/9/2018 về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2022) = 4.240.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/năm 2022) = 3.816.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 4.240.000 đồng - 3.816.000 đồng = 424.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

B2. LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA TRONG NƯỚC

22. Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000633)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiết kiệm thời gian, hoàn tất thủ tục hành chính góp phần đi vào hoạt động kinh doanh sớm để tạo thu nhập.

b) *Kiến nghị thực thi:*

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 19, Điều 16, Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 287.000 đồng = 2.870.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày công x 287.000 đồng = 2.296.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 2.870.000 đồng - 2.296.000 đồng = 574.000 đồng (02 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

23. Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (2.000629)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiết kiệm thời gian, hoàn tất thủ tục hành chính góp phần đi vào hoạt động kinh doanh sớm để tạo thu nhập.

b) *Kiến nghị thực thi:*

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 105/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về Kinh doanh rượu.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 287.000 đồng = 2.009.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 287.000 đồng = 1.435.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 2.009.000 đồng – 1.435.000 đồng = 574.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,5 %.

24. Cấp giấy phép bán lẻ rượu (2.000620)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Sửa đổi thành phần hồ sơ. Cụ thể, như sau: Bỏ “giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật) của các sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh.

b) *Kiến nghị thực thi:* Thay thế bằng bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm rượu dự kiến kinh doanh (theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính Phủ thay thế Nghị định 38/2012/NĐ-CP ngày 25/4/2012) đối với thủ tục đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hộ kinh doanh trong việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận;

- Chi phí tuân thủ thực hành chính trước khi đơn giản hóa khoảng 60.000 đồng/bộ x 02 bộ/năm = 120.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 50.000 đồng/bộ x 02 bộ/năm = 100.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83,33%.

25. Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu (2.001240)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Rút ngắn thời hạn giải quyết từ 07 ngày làm việc xuống 06 ngày làm việc.

- Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc tiết kiệm thời gian, hoàn tất thủ tục hành chính góp phần đi vào hoạt động kinh doanh sớm để tạo thu nhập.

b) *Kiến nghị thực thi:*

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 25 Nghị định số 17/NĐ-CP ngày 05/02/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 287.000 đồng = 2.009.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 06 ngày công x 287.000 đồng = 1.722.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 2.009.000 đồng – 1.722.000 đồng = 287.000 đồng (01 ngày công)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 14 %.

26. Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (2.000181)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đề xuất bỏ văn bản “giới thiệu của các doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá”

- Lý do: do trong thành phần hồ sơ đã có hợp đồng mua bán với doanh nghiệp bán buôn sản phẩm thuốc lá.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm d, Khoản 3, Điều 26 Nghị định số 106/2017/NĐ-CP ngày 14/9/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 67/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật phòng, chống tác hại của thuốc lá về kinh doanh thuốc lá

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các hộ kinh doanh trong việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận;

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa khoảng 65.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 65.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 50.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 50.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 76,92%.

B3. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM

27. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000591)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

Lý do:

Khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, trong nội dung Biên bản thẩm định tại phần I “Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm” có các nội dung tại mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Vậy khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, đoàn tiến hành kiểm tra, đánh giá trang thiết bị, dụng cụ. Không cần phải liệt kê trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị điều chỉnh “ Mẫu số 2a và 2b” Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh trong việc thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận;

- Chi phí tuân thủ thực hành chính trước khi đơn giản hóa khoảng 80.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 80.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 60.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 60.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 75%

28. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do Sở Công Thương thực hiện (2.000535)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Bãi bỏ mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo Mẫu số 02a (đối với cơ sở sản xuất), Mẫu số 02b (đối với cơ sở kinh doanh) hoặc cả Mẫu số 02a và Mẫu số 02b (đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh) tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

Lý do:

Khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, trong nội dung Biên bản thẩm định tại phần I “Đánh giá điều kiện an toàn thực phẩm” có các nội dung tại mục số 2 trong phần II “Trang thiết bị, dụng cụ sản xuất (đối với cơ sở sản xuất) và kinh doanh (đối với cơ sở kinh doanh) trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm.

Vậy khi thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm, đoàn tiến hành kiểm tra, đánh giá trang thiết bị, dụng cụ. Không cần phải liệt kê trong Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị điều chỉnh “ Mẫu số 2a và 2b” Thông tư số 42/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận;

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa khoảng 60.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 60.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 50.000 đồng/bộ x 01 bộ/năm = 50.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 83,33%.

B4. LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP ĐỊA PHƯƠNG

29. Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện (2.002096)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 30 ngày làm việc xuống còn 27 ngày làm việc, giảm 03 ngày làm việc.

- Lý do: Số lượng phát sinh hồ sơ hàng năm thấp; nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi, bổ sung Thông tư số 26/2014/TT-BCT ngày 28/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, quy định cụ thể nội dung thời hạn giải quyết đối với thủ tục hành chính này; đồng thời, quy định cụ thể như sau: "*Trong thời gian 27 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, chấm điểm bình chọn các sản phẩm đáp ứng đủ điều kiện theo quy định để cấp Giấy chứng nhận*".

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa với 30 ngày làm việc: 250.000 đồng x 30 ngày = 7.500.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa còn 27 ngày làm việc: 250.000 đồng x 27 ngày = 6.750.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm thời gian sau khi thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính giảm 03 ngày: 250.000 đồng x 03 ngày = 750.000 đồng/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

C. CẤP XÃ

C1. Lĩnh vực An toàn đập, hồ chứa thủy điện

30. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (2.000184)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian và kinh phí trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Theo Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 260.000 = 5.200.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày công x 260.000 = 3.640.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 5.200.000 đồng - 3.640.000 đồng = 2.340.000 đồng (06 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

31. Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã (2.000206)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Đề xuất: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian đi lại, tiết kiệm nhân công và kinh phí trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định theo Điểm a, Khoản 3, Điều 7 Nghị định số 114/2018/NĐ-CP về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 260.000 = 5.200.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 14 ngày công x 260.000 = 3.640.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 5.200.000 đồng - 3.640.000 đồng = 2.340.000 đồng (06 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

IV. SỞ XÂY DỰNG

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG

32. Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng (1.006871)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- *Giảm 01 ngày*, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do*: Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%, từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa có hồ sơ bị trễ hạn. Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 và Điều chỉnh Khoản 3, Điều 5, Thông tư số 10/2017/TT-BXD của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.275.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 255.000 đồng x 4 ngày = 1.020.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm: 1.275.000 đồng- 1.020.000 đồng= 255.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

A2. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

33. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I và cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – (1.009976)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: *Giảm 03 ngày*, từ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do*: Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm thấp và nếu có chỉ thực hiện ở công trình có quy mô nhỏ (cấp III và cấp IV) nên giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Chính Phủ, Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi*

- Kiến nghị Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh Điểm e, Khoản 1, Điều 102, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi tại Khoản 36, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 20 ngày (thời gian quy định) = 5.100.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 255.000 đồng x 3 ngày = 765.000/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

34. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) – (1.009977)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ nội dung tài liệu “Báo cáo kết quả thẩm định của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường”.

- Lý do: Theo thành phần hồ sơ thủ tục điều chỉnh Giấy phép xây dựng (GPXD) tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng thì đã có tài liệu “Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng”. Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của chủ đầu tư đã căn cứ vào kết quả thẩm định, trong đó đã có các giải pháp thiết kế điều chỉnh, đánh giá đảm bảo an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. Do đó, không cần thiết phải có tài liệu đang đề xuất đơn giản hóa như nêu trên.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Xây dựng: Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Khoản 2, Điều 51 Nghị định 15/2021/NĐ-CP; Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 60.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm = 1.2000.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 20.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm: 400.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

35. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (1.009972)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm 03 ngày (đối với Nhóm A, Nhóm B), thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: 32 ngày đối với dự án nhóm A (theo quy định là 35 ngày đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng), 22 ngày đối với dự án nhóm B (theo quy định là 25 ngày đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ bản vẽ được đóng dấu.*

- *Lý do: để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và đặc biệt góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.*

- Thẩm quyền đơn giản hóa:

+ Bộ Xây dựng: Xem xét, điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

+ Chính phủ: Xem xét, sửa đổi Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ và trình Quốc hội điều chỉnh Khoản 16, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

- Đề nghị Bộ Xây dựng kiến nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ và trình Quốc hội điều chỉnh Khoản 16, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính:

+ Dự án nhóm A: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 35 ngày (thời gian quy định) = 8.925.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Dự án nhóm B: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 25 ngày (thời gian quy định) = 6.375.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 255.000 đồng x 3 ngày cắt giảm = 765.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí:

+ Dự án nhóm A: 8,5%

+ Dự án nhóm B: 12%.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 300 bộ/năm = 9.000.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 0 đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 9.000.000 đồng/năm.

38. Cấp điều chỉnh hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (1.009983)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; Điểm h, Khoản 1, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và xem xét điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 150 bộ/năm = 4.500.000 đồng/năm
- Chi phí tuân thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 4.500.000 đồng/năm đồng/năm
- Chi phí tiết kiệm: 4.500.000 đồng/năm đồng/năm.

39. Cấp gia hạn chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (1.009928)

a) Nội dung đơn giản hóa

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

36. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (1.009973)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Kiến nghị bỏ tài liệu “*Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt*” và điều chỉnh lại thành “*Hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt (nếu có)*”

- *Lý do:* Theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì thành phần hồ sơ thủ tục thủ tục “*thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*” (trước thủ tục này) đã có yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng nên đề nghị bỏ để tiết kiệm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện các dự án có quy mô nhỏ và chỉ cần hồ sơ khảo sát xây dựng một bước. Đối với dự án có quy mô lớn yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng với bước thiết kế thì mới cần hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước đó.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP và xem xét điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 5.000.000 đồng/bộ x 1.000 bộ/năm = 5.000.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng/bộ x 1.000 bộ/năm: 300.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%.

37. Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng lần đầu hạng II, hạng III (1.009982)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*”.

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần “*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*” để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; Điểm h, Khoản 1, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và xem xét, điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Xây dựng: Đề nghị tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm b, Khoản 23, Điều 12 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023; Điểm h, Khoản 1, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và xem xét điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 100 bộ/năm = 3.000.000 đồng/năm

- Chi phí tuân thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 3.000.000 đồng/năm đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 3.000.000 đồng/năm đồng/năm.

40. Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân người nước ngoài hạng II, hạng III (1.009987)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Sửa đổi, bổ sung yêu cầu quy định về tài liệu để nộp hồ sơ: đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần "*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*".

- *Lý do:* Hiện nay các thủ tục hành chính cơ bản được nộp theo dịch vụ công toàn trình, do đó thành phần hồ sơ là "*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*" là không cần thiết. Do vậy, đề xuất bỏ yêu cầu nộp hồ sơ với thành phần "*Bản sao có chứng thực hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu*" để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Điểm d, Khoản 4, Điều 76, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP và xem xét điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí chứng thực): 30.000 đồng/bộ x 50 bộ/năm = 1.500.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/năm đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm: 1.500.000 đồng/năm đồng/năm.

A3. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

41. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng (1.008432)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- *Thời gian giải quyết:* Đề xuất giảm 01 ngày, thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: từ 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%. Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa có hồ sơ bị trễ hạn. Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

- *Mẫu đơn, tờ khai:* Đề xuất bổ sung mẫu đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch.

- *Lý do:* Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%, do đó đề xuất bổ sung mẫu đơn và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh mục thời gian giải quyết và mẫu đơn, tờ khai tại Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Bổ sung mẫu đơn, tờ khai: nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo đúng quy trình, không bị trễ hạn.

- Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân:

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.400.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 100.000 đồng/hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

42. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009996)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Giảm 03 ngày, từ 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 17 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Lý do:* Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm thấp và nếu có chỉ thực hiện ở công trình có quy mô nhỏ (cấp III và cấp IV) nên giảm thời gian trong việc giải quyết

hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Chính Phủ, Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi:

- Kiến nghị Chính phủ trình Quốc hội điều chỉnh Điểm e, Khoản 1, Điều 102, Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được sửa đổi tại Khoản 36, Điều 1, Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng xem xét, phê duyệt điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 20 ngày (thời gian quy định) = 5.100.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 255.000 đồng x 3 ngày = 765.000/1 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 15%.

43. Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ (1.009997)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- *Giảm thành phần hồ sơ:* Kiến nghị bỏ nội dung tài liệu “Báo cáo kết quả thẩm định của chủ đầu tư, trong đó phải có nội dung về bảo đảm an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường”.

- *Lý do:* Theo thành phần hồ sơ thủ tục điều chỉnh GPXD tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng thì đã có tài liệu “Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng”. Văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của chủ đầu tư đã căn cứ vào kết quả thẩm định, trong đó đã có các giải pháp thiết kế điều chỉnh, đánh giá đảm bảo an toàn chịu lực, an toàn phòng, chống cháy nổ, bảo vệ môi trường. Do đó, không cần thiết phải có tài liệu đang đề xuất đơn giản hóa như nêu trên.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa:* Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ điều chỉnh Khoản 2, Điều 51, Nghị định 15/2021/NĐ-CP và xem xét điều chỉnh Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 60.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm = 1.2000.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 20.000 đồng/bộ x 20 bộ/năm: 400.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

44. Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp) – (1.009992)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: *Giảm 03 ngày (đối với Nhóm A, Nhóm B), 32 ngày đối với dự án nhóm A (theo quy định là 35 ngày đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng), 22 ngày đối với dự án nhóm B (theo quy định là 25 ngày đối với cơ quan chuyên môn về xây dựng) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan chuyên môn về xây dựng ra thông báo kết quả thẩm định kèm theo hồ sơ bản vẽ được đóng dấu.*

- *Lý do:* để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án và đặc biệt góp phần đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công.

- Thẩm quyền đơn giản hóa:

+ Bộ Xây dựng: Xem xét, điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

+ Chính phủ: Xem xét, sửa đổi Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ và trình Quốc hội điều chỉnh Khoản 16, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

b) Kiến nghị thực thi:

- Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ Trưởng Bộ Xây dựng.

- Đề nghị Bộ Xây dựng kiến nghị Chính phủ xem xét, sửa đổi Điều 37, Nghị định 15/2021/NĐ-CP của Chính phủ và trình Quốc hội điều chỉnh Khoản 16, Điều 1 Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính:
- + Dự án nhóm A: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 35 ngày (thời gian quy định) = 8.925.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Dự án nhóm B: 255.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 25 ngày (thời gian quy định) = 6.375.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 255.000 đồng x 3 ngày cắt giảm = 765.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí:

+ Dự án nhóm A: 8,5%

+ Dự án nhóm B: 12%

45. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (Trường hợp được UBND cấp tỉnh phân cấp) – (1.009992)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thành phần hồ sơ: Kiến nghị bỏ tài liệu “*Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt*” và điều chỉnh lại thành “*Hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước thiết kế được chủ đầu tư phê duyệt (nếu có)*”

- Lý do: Theo Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì thành phần hồ sơ thủ tục thủ tục “*thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng*” (trước thủ tục này) đã có yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng nên đề nghị bỏ để tiết kiệm chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện các dự án có quy mô nhỏ và chỉ cần hồ sơ khảo sát xây dựng một bước. Đối với dự án có quy mô lớn yêu cầu hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng với bước thiết kế thì mới cần hồ sơ khảo sát xây dựng tương ứng bước đó.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Xây dựng.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh Điều 37 Nghị định 15/2021/NĐ-CP, Quyết định số 700/QĐ-BXD ngày 08/6/2021.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa (chi phí photo + chứng thực): 5.000.000 đồng/bộ x 1.000 bộ/năm = 5.000.000.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 300.000 đồng/bộ x 1.000 bộ/năm: 300.000.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6%.

B2. LĨNH VỰC QUY HOẠCH XÂY DỰNG

46. Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND cấp huyện – (1.008455)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: *Đề xuất giảm 01 ngày, từ 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.*

- Lý do: Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%. Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa có hồ sơ bị trễ hạn. Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, nhằm giảm chi phí, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho tổ chức, cá nhân trong thực hiện TTHC.

- *Mẫu đơn, tờ khai*: đề xuất bổ sung mẫu đơn đề nghị cung cấp thông tin quy hoạch và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch.

- *Lý do*: Hồ sơ thực hiện DVC trực tuyến toàn trình 100%, do đó đề xuất bổ sung mẫu đơn và mẫu văn bản cung cấp thông tin quy hoạch nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- *Thẩm quyền đơn giản hóa*: Bộ Xây dựng.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị Bộ Xây dựng xem xét, điều chỉnh mục thời gian giải quyết và mẫu đơn tờ khai tại Quyết định số 808/QĐ-BXD ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Bổ sung mẫu đơn, tờ khai: nhằm công khai, minh bạch, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tải và điền các biểu mẫu tờ khai để thực hiện DVC trực tuyến.

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân mà vẫn đảm bảo đúng quy trình, không bị trễ hạn.

- Giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của tổ chức, cá nhân:

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 1.400.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 100.000 đồng/hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,67%.

V. SỞ TƯ PHÁP

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC CÔNG CHỨNG

47. Bổ nhiệm lại Công chứng viên – (1.000100)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 38 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

- *Lý do*: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4, Điều 16, của Luật Công chứng.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 40 ngày công x 250.000đ = 10.000.000đ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 5.000.000đ (20 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

48. Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng – (1.001721)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 16 của Thông tư số 04/2015/TT-BTP ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng bộ Tư pháp về việc hướng dẫn tập sự hành nghề công chứng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.33%.

49. Miễn nhiệm công chứng viên (trường hợp được miễn nhiệm) – (1.000075)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 1, Điều 15 của Luật Công chứng năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.33%.

A2. LĨNH VỰC LUẬT SƯ

50. Hợp nhất công ty luật – (1.002218)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 12 của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

51. Sáp nhập công ty luật – (1.002234)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày xuống 07 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 13 của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật luật sư.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

A3. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

52. Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (1.008890)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 7 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 08 của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

53. Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (1.008904)

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật trọng tài thương mại.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000 đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

A4. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

54. Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh (1.001122)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày xuống 15 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Khoản 2, Điều 9, Luật Giám định tư pháp 2012.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

55. Đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (2.000823)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày xuống 25 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Luật Giám định tư pháp 2012.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 16.67%.

A5. LĨNH VỰC QUẢN TÀI VIÊN VÀ HÀNH NGHỀ QUẢN LÝ, THANH LÝ TÀI SẢN

56. Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân – (1.002626)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc (thời gian quyết định ghi tên người đề nghị đăng ký vào danh sách Quản tài viên, doanh nghiệp hành nghề quản lý, thanh lý tài sản).

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 9 của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

57. Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh hoặc thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản (1.008727)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 11 của Nghị định số 22/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phá sản về quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000

- Chi phí tiết kiệm: 500.000 đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28.5%.

A6. LĨNH VỰC TRỢ GIÚP PHÁP LÝ

58. Cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý (2.000518)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3, Điều 19, Nghị định số 144/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trợ giúp pháp lý.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.000.000 đ (04 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 57%.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

59. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (2.000748)

a) Nội dung đơn giản hóa: Không cần khai phần khai chỗ người được xác nhận thông tin nếu người yêu cầu là người được xác nhận trong Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông hộ tịch, xác định lại dân tộc.

- Lý do: Do thông tin phần khai trùng nên có thể giảm bớt việc khai thông tin, tiết kiệm thời gian giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Thêm ở phần ghi chú hướng dẫn viết tờ khai dòng chữ “nếu người yêu cầu là người xác nhận thì không cần khai phần khai của người xác nhận thông tin” trong tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc quy định tại Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

60. Ghi vào sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.002189)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 12 ngày xuống 7 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 50 Luật Hộ tịch năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.67%.

61. Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (2.000554)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 12 ngày xuống 7 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại khoản 2, Điều 50 Luật Hộ tịch năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 7 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.67%.

62. Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (2.000779)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

63. Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (1.001695)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống 12 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Luật Hộ tịch năm 2014.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 12 ngày công x 250.000đ = 3.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B2. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

64. Thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (2.000424)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 08 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

Bổ sung mẫu Giấy đề nghị hỗ trợ chung để thực hiện (*Mẫu 01: Đơn đề nghị kèm theo*)*.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, 4, 5 Điều 18 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hoà giải ở cơ sở.

- Đề nghị mẫu hoá Giấy đề nghị hỗ trợ (Mẫu 01) ban hành kèm theo Nghị định số 15/2014/NĐ-CP.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 08 ngày công x 250.000đ = 2.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 37.5%.

() Mẫu đơn đề nghị bổ sung kèm theo:*

Mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Kính gửi:

- UBND xã
- UBND huyện

1. Họ, chữ đệm, tên người đề nghị:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: (*)

Quan hệ với Hoà giải viên:

2. Đề nghị cơ quan hỗ trợ hòa giải viên hoặc gia đình hòa giải viên trong trường hợp gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải cho người có tên dưới đây:

Họ, chữ đệm, tên Hoà giải viên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Nơi cư trú:

Giấy tờ tùy thân: (*)

Lý do yêu cầu hỗ trợ: Trong khi thực hiện hoạt động hòa giải ở cơ sở:

- Hoà giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe (bị thương) ☐

- Hoà giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro bị thiệt hại về tính mạng (chết) ☐

Tôi cam đoan những nội dung khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình./.

**XÁC NHẬN CỦA TỔ TRƯỞNG TỔ HOÀ GIẢI/
TRƯỞNG BAN CÔNG TÁC MẶT TRẬN ÁP (**)**

Hoà giải viên.....
gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe (bị
thương)/ bị thiệt hại về tính mạng (chết) là đúng./.

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

....., ngày..... tháng..... năm.....

Người yêu cầu

(Ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên)

Chú thích:

Lưu ý: Trường hợp Hoà giải viên tự đề nghị trong trường hợp gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng

(*) Ghi thông tin về giấy tờ tùy thân như: số định danh cá nhân, căn cước công dân, chứng minh nhân dân.

(**) Trường Ban công tác Mặt trận xác nhận trong trường hợp Hoà giải viên bị thiệt hại là Tổ trưởng Tổ hòa giải.

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

65. Đăng ký lại khai sinh (1.004884)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đối với trường hợp bình thường giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc; đối với trường hợp cần xác minh giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi Khoản 2, Điều 26 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- *Trường hợp bình thường*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

- *Trường hợp cần xác minh*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

66. Đăng ký lại kết hôn (1.004746)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Đối với trường hợp bình thường giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc; đối với trường hợp cần xác minh giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi Khoản 2, Điều 27, Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- *Trường hợp bình thường*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

- *Trường hợp cần xác minh*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

* **67. Đăng ký lại khai tử (1.005461)**

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Đối với trường hợp bình thường giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc; đối với trường hợp cần xác minh giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi:* Đề nghị sửa đổi Khoản 2, Điều 28, Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch và Quyết định số 528/QĐ-BTP ngày 10/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- *Trường hợp bình thường*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công x 250.000đ = 750.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

- *Trường hợp cần xác minh*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lướt đi nộp hồ sơ, lướt nhận kết quả).

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công x 250.000đ = 1.750.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

68. Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (1.004859)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ “Giấy ủy quyền đối với những trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền”.

- Lý do đề xuất: Vì theo quy định tại khoản 1, Điều 2 của Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 là Việc ủy quyền phải lập thành văn bản, được chứng thực theo quy định của pháp luật. Trường hợp người được ủy quyền là ông, bà, cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột của người ủy quyền thì văn bản ủy quyền không phải chứng thực. Do đó, không cần ủy quyền, chỉ cần có giấy tờ chứng minh mối quan hệ.

+ Giảm 01 văn bản ủy quyền

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi tại Khoản 1, Điều 2 của Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/05/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của luật hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2015 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật hộ tịch

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Cắt giảm được chi phí đi lại, thời gian, công sức khi phải đi làm giấy ủy quyền.

69. Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (1.004873)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Giảm thời gian thực hiện từ 03 ngày làm việc thành 01 ngày làm việc đối với trường hợp không phải xác minh.

Lý do: Đối với những trường hợp không phải xác minh có thể trả kết quả ngay trong ngày làm việc để người dân không phải đi lại nhiều lần.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi Khoản 3, Điều 22 của Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch, thành như sau:

“Trong thời hạn 1 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, công chức Tư pháp – hộ tịch kiểm tra, xác minh tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu. Nếu người yêu cầu có đủ điều kiện, việc cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân là phù

hợp quy định pháp luật thì công chức – tư pháp hộ tịch trình Chủ tịch UBND xã ký cấp 1 bản Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có yêu cầu. Nội dung giấy xác nhận tình trạng hôn nhân phải ghi đúng tình trạng hôn nhân của người có yêu cầu và mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Giảm 40% thời gian chờ đợi của người dân đối với thủ tục này.

C2. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

70. Thôi làm hòa giải viên (2.000930)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công x 250.000đ = 500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

71. Thanh toán thù lao cho hòa giải viên (2.002080)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian chi phí đi lại trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định Khoản 2 Điều 15 của Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật hoà giải ở cơ sở.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày công x 250.000đ = 500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 750.000đ (03 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 60%.

VI. SỞ Y TẾ

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

72. Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (1.003709)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Giấy chứng nhận đủ sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp” và “Phiếu lý lịch tư pháp”.

Lý do:

- Sau thời gian thực hiện Luật Khám bệnh chữa bệnh, trên thực tế chưa có người không đủ sức khỏe hành nghề.

- Trong thành phần hồ sơ đã có Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú (đã có đầy đủ thông tin lý lịch của cá nhân) và đã có xác nhận quá trình thực hành của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về quá trình thực hành cho người đã thực hành tại cơ sở của mình, bao gồm nội dung về thời gian, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp nên không cần thiết phải cung cấp thêm Phiếu lý lịch tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 4, Khoản 5, Điều 5, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 750.000 đồng (chi phí 01 hồ sơ) x 782 (tổng số hồ sơ năm 2022) = 586.500.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 390.000 đồng (chi phí 01 hồ sơ) x 782 (tổng số hồ sơ năm 2022) = 304.980.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 281.520.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 48%.

73. Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật Khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (1.003824)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ thành phần hồ sơ “Phiếu lý lịch tư pháp”.

Lý do: Trong thành phần hồ sơ đã có Sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của thủ trưởng đơn vị nơi công tác hoặc xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú (đã có đầy đủ thông tin lý lịch của cá nhân) và đã có xác nhận

quá trình thực hành của người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về quá trình thực hành cho người đã thực hành tại cơ sở của mình, bao gồm nội dung về thời gian, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp nên không cần thiết phải cung cấp thêm Phiếu lý lịch tư pháp.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm c, Khoản 2, Điều 8, Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 760.000 đồng (chi phí 01 hồ sơ) x 02 (tổng số hồ sơ năm 2022) = 1.520.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 540.000 đồng (chi phí 01 hồ sơ) x 02 (tổng số hồ sơ năm 2022) = 1.080.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 440.000 đồng/năm

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28,95%

** Nhóm thủ tục về Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo:*

74. Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của bộ y tế và bộ quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập (1.001907)

75. Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với trạm xá, trạm y tế cấp xã (1.002058)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ các thủ tục hành chính nêu trên.

Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay không có hồ sơ phát sinh.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 1, Điều 3, Thông tư số 30/2014/TT-BYT ngày 28/8/2014 của Bộ Y tế quy định về khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho người dân, doanh nghiệp.

A2. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

76. Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi (1.003108)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống còn 09 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm b, Khoản 5, Điều 27, Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày x 287.000 đồng = 2.870.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 09 ngày x 287.000 đồng = 2.583.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 287.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

A3. LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH Y KHOA

77. Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động (1.002706)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

78. Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp (1.002694)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

79. Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động (1.002671)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

80. Hồ sơ khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất (1.002208)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

81. Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau khi sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai (1.002190)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

82. Hồ sơ khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần (1.002168)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

83. Hồ sơ khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát (1.002146)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

84. Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động (1.002136)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

85. Khám giám định tổng hợp (1.002118)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 60 ngày xuống còn 58 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm d, khoản 2, Điều 39, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày x 287.000 đồng = 17.220.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày x 287.000 đồng = 16.646.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,33%.

A4. LĨNH VỰC Y TẾ DỰ PHÒNG

86. Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng (1.004568)

a) Nội dung đơn giản hóa

Thay thế Giấy xác nhận nhân thân người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng (theo quy định tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư liên tịch 03/2010/TTLT-BYT-BCA) bằng bản sao Căn cước công dân.

Lý do: Hiện nay các thông tin của người dân đã được tích hợp đầy đủ trong căn cước công dân, việc yêu cầu người dân xin xác nhận nhân thân tại cơ quan công an là không còn phù hợp, gây mất thời gian và chi phí cho người dân phải tới nơi đăng ký thường trú để xác nhận nhân thân.

Theo quy định tại Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20/01/2010, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị cấp Thẻ và danh sách những người đăng ký làm nhân viên tiếp cận cộng đồng do người đứng đầu chương trình, dự án gửi đến, Công an cấp xã xem xét để xác nhận về nhân thân của những người đó. Việc thay thế Giấy xác nhận nhân thân bằng bản sao CCCD sẽ giảm được 07 ngày làm việc, góp phần giảm thời gian, chi phí, giúp nhân viên tiếp cận cộng đồng có nguyện vọng được cấp thẻ có thể sớm triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điểm c, Khoản 1, Điều 4; Điểm b, c, Khoản 2, Điều 5, Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BYT-BCA ngày 20 tháng 01 năm 2010 của liên Bộ Y tế - Bộ Công an quy định việc cấp, phát, quản lý và sử dụng Thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng tham gia thực hiện các biện pháp can thiệp giảm tác hại trong dự phòng lây nhiễm HIV.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 17 ngày làm việc x 287.000 đồng = 4.879.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày làm việc x 287.000 đồng = 2.870.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 2.009.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41,18 %.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG

87. Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất thực phẩm, kinh doanh dịch vụ ăn uống thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.002425)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống còn 18 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Khoản 3, Điều 2, Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày x 287.000 đồng = 5.740.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày x 287.000 đồng = 5.166.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH

88. Cấp giấy chứng sinh đối với trường hợp trẻ được sinh ra ngoài cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng được cán bộ y tế hoặc cô đỡ thôn bản đỡ đẻ (1.002192)

a) Nội dung đơn giản hóa

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc.

Lý do: Nhu cầu người dân thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 27/2019/TT-BYT ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế về sửa đổi một số điều của Thông tư số 17/2012/TT-BYT ngày 24/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định cấp và sử dụng Giấy chứng sinh.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 03 ngày x 287.000 đồng = 861.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 02 ngày x 287.000 đồng = 574.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 287.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,3%.

VII. SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC THỦY LỢI

89. Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý (1.003867)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính 01 ngày làm việc từ 30 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 xuống còn 29 ngày làm việc.

- *Lý do giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân, nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, chỉ tiến hành xác minh, kiểm tra đối với trường hợp phức tạp.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, phê duyệt giảm thời hạn giải quyết thủ tục phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý: Thời gian 29 ngày làm việc được ban hành tại Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29-06-2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC) trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm) x 30 ngày (thời gian quy định) = 7.320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân; Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 366.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm) x 29 ngày = 7.076.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: Giảm chi phí cho 1 ngày = 244.000 đồng.

+ Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

A2. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT, BẢO VỆ THỰC VẬT

Nhóm thủ tục:

90. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật - (1.004363)

91. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết 02 thủ tục hành chính cấp và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 16 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- *Lý do cắt giảm thủ tục hành chính:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân có hoạt động kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật tại Thông tư số 21/2015/TT- BNNPTNT ngày 08/6/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định.

b) *Kiến nghị thực thi:* Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với 02 thủ tục nêu trên theo Quyết định số 678/QĐ-BNN-BVTV ngày 28/02/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Kiến Nghị UBND tỉnh xem xét điều chỉnh Quyết định số 3573/QĐ-UBND ngày 21/9/2022 giảm thời gian cấp và cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật từ 16 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính (TTHC) trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm) x 16 ngày (thời gian quy định) = 3.904.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân; Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 366.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm) x 15 ngày = 3.660.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ = Chi phí 1 ngày = 244.000 đồng.

+ Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

A3. LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

92. Công nhận làng nghề (1.003695)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời gian giải quyết thủ tục Công nhận làng nghề từ 30 ngày xuống còn 29 ngày làm việc (Quy định của Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12/7/2018) là 30 ngày làm việc)

- *Lý do cắt giảm thời gian giải quyết TTHC:* Qua quá trình rà soát, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 01 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

b) *Kiến nghị thực thi:* Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh thời hạn giải quyết đối với 01 thủ tục trên được quy định tại phần II, Quyết định số 2767/QĐ-BNN-KTHT ngày 12-07-2018 của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày / năm x 30 ngày (thời gian quy định) = 7.320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 366.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ 1 ngày/ năm x 29 ngày (thời gian giảm)= 7.076.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm /1 hồ sơ = 244.000 đồng /1 hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.3%

+ Giảm thời gian giải quyết thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục.

IV. LĨNH VỰC THỦY SẢN

93. Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (1.004692)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Bãi bỏ thành phần hồ sơ trong thủ tục hành chính “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi được giao, cho thuê đất để nuôi trồng thủy sản hoặc giấy phép hoạt động nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi, thủy điện hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản” tại Điểm b, Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ”

- *Lý do thực hiện đơn giản hóa:* Hiện nay phần lớn cơ sở không có “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao khu vực biển hoặc hợp đồng thuê quyền sử dụng đất, khu vực biển để nuôi trồng thủy sản”, do vậy yêu cầu này sẽ gây khó khăn cho cơ sở khi thực hiện thủ tục hành chính. Việc đơn giản hóa thành phần hồ sơ nêu trên sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, trình Chính phủ Sửa đổi hoặc bãi bỏ Điều b, Khoản 2, Điều 36, Nghị định số 26/2019/NĐ-CP ngày 08/3/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản, theo Quyết định số 21 /QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn năm 2021.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước hi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 trước khi đơn giản hóa 03 thành phần/bộ hồ sơ, chi phí 03 thành phần x 3000 đồng/ thành phần = 9.000 đồng/ 1 bộ hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Số tờ giấy A4 sau khi đơn giản hóa 02 thành phần/ bộ hồ sơ, chi phí = 02 thành phần x 3000 đồng/ thành phần = 6.000 đồng/ 1 bộ hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: 3000 đồng/ 1 bộ hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: giảm 33,3% chi phí phô tô biểu mẫu/ 1 bộ hồ sơ.

94. Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (1.003650)

a) Nội dung đơn giản hóa: rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống còn 2,5 ngày làm việc (Giảm 0,5 ngày làm việc).

- *Lý do thực hiện đơn giản hóa:* Rút ngắn thời gian chờ đợi từ 8 tiếng xuống còn 4 tiếng

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ NNPTNT sửa đổi Mục d, Khoản 7, Điều 21 Thông tư số 23/2018/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2028 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về đăng kiểm viên tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Tiết kiệm cho công dân 0,5 ngày công lao động, mức tiền tiết kiệm: 244.000 đồng/ngày công.

Tiết kiệm: 0,5 ngày công = 122.000 đồng.

A5. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG VÀ KHUYẾN NÔNG

95. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003618)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 60 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 2159/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 xuống còn 57 ngày làm việc (giảm 03 ngày làm việc).

- *Lý do giảm thời gian giải quyết TTHC:* Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây

là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 03 ngày làm việc đối với thủ tục phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương theo Quyết định số 2159/QĐ-BNN-KHCN ngày 29/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm x 60 ngày (thời gian quy định) = 14.640.000 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm x 57 ngày = 13.908.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: = 03 ngày x 244.000 đồng/ ngày = 732.000 đồng/ 01 hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm: 8%.

A6. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

96. Đăng ký mã cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES (1.004815)

a) Nội dung đơn giản hóa: Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính như sau: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi, trồng, cơ quan cấp mã số chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện, nhưng thời hạn cấp không quá 28 ngày (theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 22/01/2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc công bố Bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là không quá 30 ngày).

- Lý do: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân đơn vị nhận thấy quy trình xử lý có thể rút ngắn thêm là 02 ngày thì vẫn có thể giải quyết kịp thời theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi: kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh sửa đổi lại thời hạn giải quyết đối với thủ tục Đăng ký mã cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý hiếm nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc phụ lục II và III CITES (quy định tại Quyết định số 700/QĐ-BNN-VP ngày 01/03/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Ban hành Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực nông nghiệp và PTNT)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm x 30 ngày (thời gian quy định) = 7.320.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm x 28 ngày = 6.832.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: = 02 ngày x 244.000 đồng/ ngày = 488.000 đồng/ 01 hồ sơ.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,66%.

A7. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI

97. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thời gian giải quyết TTHC 01 ngày làm việc từ 27 ngày làm việc theo Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 13/9/2022 của UBND tỉnh về việc thông qua phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh Đồng Nai năm 2022 xuống còn 26 ngày làm việc.

- *Lý do giảm thời gian giải quyết TTHC*: qua thực tế giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết TTHC nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó, Chi cục đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 02 ngày làm việc đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: chi phí thời gian thực hiện TTHC: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày hiện nay) x 27 ngày (thời gian quy định) = 6.588.000 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày hiện nay) x 26 ngày = 6.344.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: = 244.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 4%.

98. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi thương mại, thức ăn chăn nuôi theo đặt hàng (1.008126)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Giảm thời gian giải quyết TTHC 01 ngày làm việc từ 28 ngày làm việc theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 xuống còn 27 ngày làm việc.

- *Lý do giảm thời gian giải quyết TTHC*: qua thực tế giải quyết TTHC cho các tổ chức, cá nhân bộ phận giải quyết TTHC nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định.

Do đó, Chi cục đề xuất cắt giảm thời gian giải quyết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn điều chỉnh giảm thời hạn giải quyết 01 ngày làm việc đối với thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo Quyết định số 823/QĐ-BNN-CN ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: chi phí thời gian thực hiện TTHC: 244.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày hiện nay) x 28 ngày (thời gian quy định) = 6.832.000 đồng/01 hồ sơ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: = 3668.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày hiện nay) x 27 ngày = 6.588.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: = 244.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm: 4%

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP

99. Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (1.003605)

a) Nội dung đơn giản hóa TTHC: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 60 ngày làm việc xuống còn 54 ngày làm việc (Giảm 06 ngày).

- *Lý do cắt giảm:* Số lượng phát sinh hồ sơ hàng năm thấp; nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ tBộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sửa đổi Giảm thời gian giải quyết hồ sơ TTHC tại Quyết định số 2519/QĐ-BNN-KHCN ngày 29-06-2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

B2. QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN.

100. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Thành phần hồ sơ: Từ nộp Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành tập tin file có chứa bản scan, bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Trường hợp giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý đã có trong Kho quản lý dữ liệu điện tử của cá nhân, tổ chức được kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh thì tổ chức, cá nhân không phải khai lại thông tin hoặc nộp lại giấy tờ; công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện kiểm tra và chuyển vào hồ sơ thủ tục hành chính điện

tử cho tổ chức, cá nhân. Trường hợp giấy tờ điện tử có giá trị pháp lý của tổ chức, cá nhân chưa được kết nối, chia sẻ với Hệ thống thông tin một cửa điện tử thì công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện số hóa scan, chụp giấy tờ và chuyển vào hồ sơ thủ tục hành chính điện tử cho tổ chức, cá nhân).

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống 10 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian chi phí và tạo điều kiện cho người dân thực hiện TTHC.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 36 Luật An toàn thực phẩm năm 2010.

- Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4, Điều 17, Thông tư 38/2018/TT- BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 287.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người) x 15 ngày (thời gian quy định) = 4.305.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 287.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người) x 10 ngày = 2.870.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.435.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

101. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn)- 2.001823

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

Lý do: do phòng Kinh tế được ủy quyền tiếp nhận hồ sơ và thực hiện cấp giấy chứng nhận, không cần trình qua ủy ban ký nên sẽ rút ngắn được thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19-01-2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 287.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người) x 15 ngày (thời gian quy định) = 4.305.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 287.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người) x 10 ngày = 2.870.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 1.435.000 đồng.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

C. CẤP XÃ (Lĩnh vực phòng, chống thiên tai)

102. Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh (2.002162)

a) *Nội dung đơn giản hóa TTHC*: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc (Giảm 05 ngày làm việc).

- *Lý do*: Thực tế thực hiện TTHC cho thấy có thể giảm thời gian giải quyết TTHC, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, sửa đổi Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PCTT ngày 11-09-2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực phòng chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC*: Tỷ lệ cắt giảm chi phí 33%.

103. Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (1.010091)

a) *Nội dung đơn giản hóa TTHC*: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống còn 20 ngày làm việc (Giảm 05 ngày làm việc).

- *Lý do cắt giảm*: Thực tế thực hiện TTHC cho thấy có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi giảm thời gian giải quyết TTHC tại Quyết định số 3461/QĐ-BNN-PCTT ngày 04-08-2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC*: Tỷ lệ cắt giảm chi phí 33%.

VIII. SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

A. CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC

104. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm (1.004232)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Giảm 01 ngày làm việc trong thời gian thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất từ 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xuống còn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 35 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a.Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 thủ tục hành chính: 212.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1ngày/năm 2022)¹ x 36 ngày làm việc (thời gian quy định) = 7.632.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2022: 7.632.000 đồng x 05 (hồ sơ phát sinh năm 2022)² = 38.160.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1ngày/năm 2022) x 35 ngày làm việc (thời gian theo quy định) = 7.420.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 7.420.000 đồng x 05 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 37.100.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 212.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 1.060.000 đồng.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,8%.

105. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m³/ngày đêm (1.004223)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày làm việc trong thời gian thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất từ 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xuống còn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 35 ngày làm việc.

¹ Ước tính thu nhập bình quân 1 người 1 tháng năm 2022 theo giá hiện hành đạt khoảng 4,67 triệu đồng (theo số liệu niên giám thống kê tóm tắt của Tổng cục Thống kê công bố vào ngày 30/6/2023 trên Trang thông tin điện tử: <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2023/06/nien-giam-thong-ke-2022/>)

² Thống kê số liệu tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thực hiện hồ sơ thủ tục hành chính năm 2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) tại: <https://motcua.dongnai.gov.vn/>.

- *Lý do:* Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

- *b) Kiến nghị thực thi:*

Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

b) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 212.000 đồng x 36 ngày làm việc = 7.632.000 đồng.

+ Tổng cộng năm 2022: 7.420.000 đồng x 49 (hồ sơ phát sinh) = 373.968.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 7.420.000 đồng.

+ Tổng cộng năm 2022: 363.580.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 212.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 10.388.000 đồng/năm.

- *Tỷ lệ cắt giảm chi phí:* 2,8%.

106. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3000m³/ngày đêm (1.004211)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày làm việc trong thời gian thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất từ 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xuống còn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 30 ngày làm việc.

- *Lý do:* Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 36 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 212.000 đồng x 31 ngày làm việc = 6.572.000 đồng.

+ Tổng cộng năm 2022: 6.572.000 đồng x 98 (hồ sơ phát sinh) = 644.056.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 6.360.000 đồng.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 623.280.000 đồng.

- Chi phí tiết kiệm

+ Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 212.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 20.776.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3,2%.

107. Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³ /ngày đêm (1.004179)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày làm việc trong thời gian thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất từ 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xuống còn 29 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 35 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a Khoản 2 Điều 35 Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01TTHC: 212.000 đồng x 36 ngày làm việc = 7.632.000 đồng.

+ Tổng cộng chi phí thực hiện hồ sơ phát sinh năm 2022: 7.632.000 đồng x 10 (hồ sơ phát sinh) = 76.320.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 7.420.000 đồng.

- + Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 74.200.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 212.000 đồng.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2022: 2.120.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2,8%.

108. Gia hạn/điều chỉnh giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản đối với hồ chứa, đập dâng thủy lợi có lưu lượng khai thác dưới 2m³/giây và dung tích toàn bộ dưới 20 triệu m³, hoặc lưu lượng khai thác từ 2m³/giây trở lên và dung tích toàn bộ dưới 3 triệu m³, hoặc đối với công trình khai thác, sử dụng nước khác với lưu lượng khai thác dưới 5 m³/giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000 kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000 m³/ngày đêm; cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước biển cho mục đích sản xuất bao gồm cả nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ trên đất liền với lưu lượng dưới 1.000.000 m³/ngày đêm (1.004167)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày làm việc trong thời gian thẩm định đề án, báo cáo thăm dò nước dưới đất từ 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, xuống còn 24 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính còn 30 ngày làm việc.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều a, Khoản 2, Điều 35, Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01/02/2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá
- + Chi phí thời gian thực hiện 01TTHC: 212.000 đồng x 31 ngày làm việc = 6.572.000 đồng.
- + Tổng cộng năm 2022: 6.572.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá
- + Chi phí thời gian thực hiện 01 TTHC: 6.360.000 đồng.
- + Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 6.360.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm
- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 212.000 đồng.
- + Chi phí tiết kiệm năm 2022: 212.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.2%.

A2. LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT KHOÁNG SẢN

109. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản (cấp tỉnh- 1.004434)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Nội dung đơn giản hoá: Bỏ thành phần hồ sơ là bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4 Điều 68 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 10.275.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10.159.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 116.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,1%.

110. Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (cấp tỉnh)- (1.004433)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành phần hồ sơ: Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4, Điều 68, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 4.218.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4.159.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 59.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,4%.

111. Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản (1.000778)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành hồ sơ:

+ Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản khu vực chưa thăm dò khoáng sản.

+ Giảm thời gian trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

- Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 49 và Khoản 6, Điều 58 của Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: = 1.494.000 đồng

(Chi phí photo: 3.000 đồng³ x 02 trang A4 (số trang của giấy tờ) + chi phí chứng thực 2.000 đồng x 02 trang A4 + chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 x 07 ngày)

+ Tổng cộng năm 2022: 4.482.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 x 03 ngày = 636.000 đồng

+ Tổng cộng năm 2022: 1.908.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 858.000 đồng.

+ Chi phí tiết kiệm: 2.574.000 đồng/năm.

³Đơn giá photo trang giấy A4 tính theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018;

Đơn giá chứng thực theo quy định tại Thông tư 226/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí chứng thực.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 57,4%

112. Nhượng quyền thăm dò khoáng sản (2.001814)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp

- Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 49, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 2.815.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.699.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 116.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4.1%.

113. Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (1.004345)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh doanh nghiệp

- Lý do: Khai thác trên cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu cho doanh nghiệp; giảm hồ sơ lưu trữ tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4, Điều 51, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 20.578.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20.519.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 59.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0.3%.

114. Đóng cửa mỏ khoáng sản (1.004367)*a) Nội dung đơn giản hoá:*

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của giấy phép khai thác khoáng sản; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt

- Lý do: Nội dung đề nghị cấp giấy phép đã Cơ sở dữ liệu; Nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu, lưu trữ tài liệu.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 4, Điều 51, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 995.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 879.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 116.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.7%.

115. Cấp phép khai thác tận thu khoáng sản (2.001781)*a) Nội dung đơn giản hoá:*

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương xác nhận; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh .

- Lý do: Đã có cơ sở dữ liệu; nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu, lưu trữ tài liệu.

b). Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 1, Điều 52, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 6.032.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.879.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 153.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 2.5%.

116. Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (1.004446)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: bỏ thành phần hồ sơ là báo cáo đánh giá tác động môi trường; kế hoạch bảo vệ môi trường trường hợp địa phương xác nhận; giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Lý do: đã có cơ sở dữ liệu; nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu, lưu trữ tài liệu.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 1, Điều 52, Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản.

** c) Lợi ích phương án đơn giản hoá*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá: 992.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 879.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 113.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh, trong năm 2022 chưa phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 11.4%.

A3. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

117. Cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học (1.008682)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Giảm 01 ngày làm việc, giảm thời gian thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học từ 60 ngày làm việc còn 59 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm thời gian giải quyết TTHC tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Khoản 3, Điều 17, Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật đa dạng sinh học năm 2008.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá

Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 đồng x 60 ngày làm việc = 12.720.000 đồng (trong năm 2022 không phát sinh hồ sơ)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 đồng x 59 ngày làm việc = 12.500.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm

- + Chi phí tiết kiệm / 01 hồ sơ: 212.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 1,7%.

A4. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

118. Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (1.004257)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Đơn giản hoá thành hồ sơ: Bỏ thành phần hồ sơ là “Văn bản thẩm định điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở để bán hoặc để cho thuê hoặc để bán kết hợp cho thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở; dự án đầu tư kinh doanh bất động sản gắn với quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản; dự án sản xuất, kinh doanh không sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước”.

- Lý do: đã có cơ sở dữ liệu; nhằm giúp doanh nghiệp cắt giảm chi phí trong việc in ấn tài liệu, lưu trữ tài liệu.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thành phần hồ sơ “Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức” ban hành kèm theo Quyết định số 2555/QĐ-BTNMT ngày 20/10/2017 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý Nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: = 2.247.000 đồng
- + Tổng cộng năm 2022: 13.482.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

- + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 2.144.000 đồng
- + Tổng cộng năm 2022: 12.864.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm:

- + Chi phí tiết kiệm /01 hồ sơ: 103.000 đồng.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2022: 618.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4,6%

119. Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi

về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận (1.004227)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm 02 ngày trong thời gian thực hiện kiểm tra, thẩm định, xác nhận nội dung thay đổi vào Giấy chứng nhận, cập nhật chỉnh lý biến động và lập phiếu chuyển thông tin địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai từ 08 ngày xuống còn 06 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Như vậy, tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 10 ngày còn 08 ngày.

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp đẩy nhanh tiến độ thực hiện hồ sơ, giảm chi phí tuân thủ thủ tục hành chính, nâng cao sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi:

Kiến nghị điều chỉnh, sửa đổi khoản 40 Điều 02 Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 thủ tục hành chính: 212.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ngày/năm 2022) x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2022: 2.120.000 đồng x 38.530 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 81.683.600.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 đồng x 8 ngày = 1.696.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 1.696.000 đồng x 38.530 = 65.346.880.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm thời gian:

+ Chi phí tiết kiệm thời gian /01 hồ sơ: 424.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm thời gian năm 2022: 16.336.720.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,0%.

120. Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; tăng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có giấy chứng nhận (2.000889)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Đề nghị bổ sung trường hợp khi thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân, nếu người dân đã nộp kèm theo đơn trực tiếp sản xuất đất nông nghiệp có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú thì Văn phòng Đăng ký đất đai **không cần** thực hiện “*gửi văn bản đề nghị xác nhận đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của hộ gia đình, cá nhân*” theo điểm b, khoản 4, Điều 3, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nữa.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và cơ quan nhà nước đẩy nhanh quy trình thực hiện (bỏ qua bước gửi UBND xã lấy ý kiến xác nhận, ước tính khoảng 2 ngày); cắt giảm số lượng văn bản phát sinh trong quá trình giải quyết, giảm việc in ấn tài liệu và lưu trữ hồ sơ tại cơ quan Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Điểm b, Khoản 4, Điều 3, Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước đơn giản hoá:

+ Chi phí thời gian thực hiện 01 thủ tục hành chính: 212.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022) x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.120.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng năm 2022: 2.120.000 đồng x 31.877 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 67.579.240.000 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau đơn giản hoá:

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 212.000 đồng x 8 ngày = 1.696.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Tổng cộng hồ sơ năm 2022: 1.696.000 đồng x 31.877 = 54.063.392.000 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm thời gian:

+ Chi phí tiết kiệm thời gian /01 hồ sơ: 424.000 đồng/hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm thời gian năm 2022: 13.515.848.000 đồng/năm.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,0%.

121. Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (1.004193)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Xây dựng mẫu đơn, tờ khai đối với thủ tục “*Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp*” tại Khoản 3 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường để công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

Lý do: Hiện nay, Bộ thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 1085/QĐ-BTNMT ngày 28/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công

bổ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực đất đai thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường không quy định mẫu đơn, tờ khai đối với thủ tục này.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 3 Điều 10 Thông tư 24/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính, trong đó quy định mẫu đơn tờ khai cho thủ tục đính chính giấy chứng nhận đã cấp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tạo điều kiện thuận lợi, dễ dàng cho người dân và doanh nghiệp khi thực hiện kê khai, không mất thời gian trong việc thực hiện văn bản gửi cơ quan đất đai; tạo sự công khai, đồng bộ cho người dân khi tham gia thực hiện giải quyết thủ tục hành chính, nhất là thực hiện thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến, có thể dễ dàng đính kèm mẫu đơn.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI:

122. Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài được sở hữu nhà ở tại Việt Nam” lĩnh vực đất đai cấp huyện (1.005187)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

- Lý do: Trong 3 năm gần nhất không phát sinh hồ sơ thuộc thủ tục này. Trường hợp nếu có phát sinh hồ sơ thì thực hiện giải quyết theo đường công văn đến.

b) Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, bãi bỏ thủ tục hành chính nêu trên được ban hành tại Quyết định số 634/QĐ-BTNMT ngày 29 tháng 03 năm 2016 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B2. LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

123. Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (cấp Huyện) - (1.010725)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày làm việc, giảm 02 ngày làm việc

Lý do: Số lượng hồ sơ phát sinh hàng năm thấp; nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cá nhân.

Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, giảm thời gian giải quyết của thủ tục hành chính nêu trên tại Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

- Chi phí tuân thủ giải quyết TTHC trước khi đơn giản hóa với 15 ngày làm việc: $250.000 \text{ đồng} \times 15 \text{ ngày làm việc (thời gian quy định)} = 3.750.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ giải quyết TTHC sau khi đơn giản hóa còn 13 ngày làm việc: $250.000 \text{ đồng} \times 13 \text{ ngày làm việc} = 3.250.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm thời gian sau khi thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính giảm 02 ngày làm việc: $250.000 \text{ đồng} \times 2 \text{ ngày làm việc} = 500.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13,3%.

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

124. Hòa giải tranh chấp đất đai (cấp xã)- 1.003554

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 45 ngày xuống còn 35 ngày, giảm 10 ngày.

- Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, tham mưu sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại theo Khoản 3, Điều 202, Luật Đất đai, cụ thể:

"... Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức việc hòa giải tranh chấp đất đai tại địa phương mình, trong quá trình tổ chức thực hiện phải phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức xã hội khác. Thủ tục hòa giải tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trong thời không quá 31 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai".

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 45 ngày công X 260.000 = 11.700.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 35 ngày công X 260.000 = 9.100.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 2.600.000 đồng (10 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 22,2%.

IX. SỞ NỘI VỤ

A. CẤP TỈNH

A1.LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

125. Tặng Cờ thi đua cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề (1.000898)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

126. Tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đột xuất (2.000422)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thành phần hồ sơ là Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị tặng Bằng khen cấp Bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề xuất chuyển thành Tóm tắt thành tích của tập thể, cá nhân trong đó ghi rõ hành động, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản.

- Lý do: Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản hoặc ghi nhận thông tin từ các phương tiện thông tin đại chúng giúp việc thẩm định hồ sơ nhanh chóng, kịp thời động viên, khen thưởng, khích lệ tinh thần công chức, viên chức, người lao động, quần chúng nhân dân trong việc phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh và đồng thời phù hợp với nội dung quy định tại Luật Thi đua - Khen thưởng hiện hành.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ theo thủ tục rút gọn, giảm thời gian giải quyết TTHC tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và quy định tại Điều 55, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc lập hồ sơ, thủ tục trình khen.

- Khi đề xuất thực hiện đơn giản hóa hồ sơ theo thủ tục rút gọn, thời gian thẩm định hồ sơ nhanh chóng hơn, nhằm kịp thời động viên, khích lệ các tập thể, cá nhân; tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân trong việc lập hồ sơ, thủ tục trình khen: là 06 ngày làm việc (cụ thể giảm 02 ngày làm việc).

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 23 ngày công x 250.000đ = 5.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8%.

127. Tặng thưởng Bằng khen cấp Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình (2.000418)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

128. Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đổi mới (1.000681)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm b, khoản 2, Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày công x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

A2. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

129. Đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001894)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản thành phần hồ sơ là Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo, không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc mà người dân phải nộp.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ không cần thiết trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ đề nghị quy định tại Điều 21, 22, 23 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính.

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày công x 250.000đ = 15.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày công x 250.000đ = 14.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.33%.

130. Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (2.000264)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đơn giản thành phần hồ sơ là Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo, không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc mà người dân phải nộp.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày).

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ đề nghị theo quy định tại Điều 19, 32 và Khoản 3, Điều 34, của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 18 ngày công x 250.000đ = 4.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

131. Đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.001775)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Đơn giản thành phần hồ sơ là Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo, không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc mà người dân phải nộp.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 21, 29, 30 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày công x 250.000đ = 15.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày công x 250.000đ = 14.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.33%.

132. Đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.000766)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Đơn giản thành phần hồ sơ là Bản tóm tắt quá trình hoạt động tôn giáo, không phải là thành phần hồ sơ bắt buộc mà người dân phải nộp.

- Lý do: Nhằm giảm thành phần hồ sơ trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày).

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 18, 19 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Giảm bớt thành phần hồ sơ không cần thiết, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính và tiết kiệm chi phí đi lại thực hiện hồ sơ TTHC (tiết kiệm được 02 ngày), cụ thể:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 60 ngày công x 250.000đ = 15.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 58 ngày công x 250.000đ = 14.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 500.000đ (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 3.33%.

B. CẤP HUYỆN

B1.LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

133. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề (2.000374)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 15 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

134. Tặng danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến (2.000402)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 40, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

135. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp huyện về khen thưởng cho gia đình (2.000356)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 05 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Nhu cầu thực hiện hồ sơ ít (trung bình 01 năm có khoảng 20 hồ sơ), không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điều 48, Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5 ngày công x 250.000đ = 1.250.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B2. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

136. Đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một huyện (1.001212)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm a, Khoản 3, Điều 46 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày làm việc x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày làm việc).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

137. Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (1.001204)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm a, Khoản 3, Điều 46 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày làm việc x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày làm việc).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

138. Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một huyện (1.001199)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 25 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm a, Khoản 3, Điều 45 - Luật tín ngưỡng, Tôn giáo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 25 ngày làm việc x 250.000đ = 6.250.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày làm việc x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày làm việc).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B3. LĨNH VỰC TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ (quản lý nhà nước về Hội)

139. Công nhận Ban vận động thành lập Hội (cấp huyện)- 1.003841

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 30 ngày xuống còn 28 ngày. Cụ thể, giảm thời gian thực hiện tại Phòng Nội vụ huyện từ 18 ngày xuống còn 16 ngày, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 30 ngày = 8.610.000 đồng/người/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 28 ngày = 8.036.000 đồng/người/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng/ người/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,7 %.

140. Thành lập Hội cấp huyện (1.003827)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

- Bỏ thành phần hồ sơ gồm Phiếu lý lịch tư pháp người đứng đầu ban vận động thành lập hội.

- Lý do:

+ Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Nhu cầu thực hiện ít (trong 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ).

+ Thực hiện Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 09/7/2023 của Thủ tướng Chính Phủ về việc đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính cấp Phiếu lý lịch tư pháp tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, đẩy mạnh khai thác cơ sở dữ liệu dân cư.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4, Khoản 5, Điều 7, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

141. Phê duyệt Điều lệ Hội (cấp huyện- 1.003807)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 30 ngày làm việc xuống 20 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân. Nhu cầu thực hiện ít (trong 03 năm gần đây không phát sinh hồ sơ).

c) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 8, Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 30 ngày công x 250.000đ = 7.500.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

142. Hội tự giải thể (1.003732)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 28 ngày làm việc. Cụ thể, giảm thời gian thực hiện tại Phòng Nội vụ huyện từ 18 ngày làm việc xuống còn 16 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Lý do: tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 30 ngày = 8.610.000 đồng/người/hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 28 ngày = 8.036.000 đồng/người/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng/ người/hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,7 %.

143. Báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội cấp huyện (2.002100)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính: 02 ngày, giảm thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống còn 23 ngày làm việc. Cụ thể, giảm thời gian thực hiện tại Phòng Nội vụ huyện từ 13 ngày làm việc xuống còn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức góp phần nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Quyết định số 579/QĐ-BNV ngày 15-07-2015 của Bộ Nội vụ Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nội vụ về lĩnh vực tổ chức phi chính phủ.

5.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 30 ngày = 8.610.000 đồng/người/hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 287.000 đồng/ngày/người x 28 ngày = 8.036.000 đồng/người/hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm: 574.000 đồng/ người/hồ sơ.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6,7 %.

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC THI ĐUA – KHEN THƯỞNG

144. Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã cho gia đình (1.000748)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 20 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết thủ tục hành chính quy định tại Quyết định số 318/QĐ-BNV ngày 09-03-2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công x 250.000đ = 5.000.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 2.500.000đ (10 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

C2. LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO

145. Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (1.001098)

a) Nội dung đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống 10 ngày.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở tôn giáo, ngoài ra cơ sở tôn giáo đã chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định pháp luật trước khi trình tại UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

146. Đăng ký hoạt động tín ngưỡng (2.000509)

a) Nội dung đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho cơ sở tôn giáo, ngoài ra cơ sở tôn giáo đã chuẩn bị hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định pháp luật trước khi trình tại UBND cấp xã.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Khoản 3, Điều 6, Nghị định số 162/2017/NĐ-CP ngày 30/12/2017 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 250.000đ = 3.750.000đ (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công x 250.000đ = 2.500.000đ.

- Chi phí tiết kiệm: 1.250.000đ (05 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

X. SƠ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

147. Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết (2.002044)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %.

148. Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết (2.001992)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2022 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %.

149. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế) - 2.001954

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện

thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc /năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ. -

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc / năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %.

150. Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền (1.010026)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc còn 02 ngày làm việc.

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư tham mưu, trình Chính phủ báo cáo Quốc hội xem xét thông qua việc sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 31 Luật Doanh nghiệp 2020

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc /năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

151. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác (2.002018)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, Khoản 2 Điều 69 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %.

152. Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp (2.002015)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 63 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

• Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %.

153. Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh) - 2.002029

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, Khoản 3, Điều 66, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

154. Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (chỉ áp dụng trong trường hợp chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh) - 2.002020

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 03 ngày làm việc từ 05 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 72, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

155. Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (1.010010)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 5 Điều 32 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

156. Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp (1.010023)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 03 ngày làm việc xuống còn 02 ngày làm việc

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ điều chỉnh sửa đổi, bổ sung Khoản 7, Điều 70, Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2022 x 3 ngày làm việc (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 2 ngày làm việc = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 666.000 đồng - 444.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 33,33 %

A2. LĨNH VỰC ĐẦU TƯ BẰNG VỐN HỖ TRỢ CHÍNH THỨC (ODA) VÀ VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI KHÔNG THUỘC HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN CHÍNH THỨC

157. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại, không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.002333)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc.

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi Khoản 6, Điều 10, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: : 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 20 ngày làm việc (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/ năm 2022 x 19 ngày làm việc = 4.218.000 đ/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%.

158. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.002334)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 20 ngày làm việc (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 19 ngày làm việc = 4.218.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%

159. Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (2.002335)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm thời hạn giải quyết TTHC: Giảm 01 ngày làm việc từ 20 ngày làm việc xuống còn 19 ngày làm việc theo quy định tại Khoản 6, Điều 10, Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

- Lý do giảm thời hạn giải quyết TTHC: Qua thực tế giải quyết thủ tục hành chính cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp Bộ phận giải quyết thủ tục hành chính nhận thấy đây là thủ tục có thành phần hồ sơ tương đối đơn giản, thời gian thực hiện thường ngắn hơn thời gian quy định. Do đó đề xuất giảm thời hạn giải quyết TTHC nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư nghiên cứu, đề xuất Chính phủ sửa đổi Khoản 6 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày làm việc/năm 2022 x 20 ngày làm việc (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ngày làm việc/năm 2022 x 19 ngày làm việc = 4.218.000 đồng/hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/01 hồ sơ: 4.440.000 đồng - 4.218.000 đồng = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian: 5%.

XI. SỞ LAO ĐỘNG, THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

160. Thành lập hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (1.010587)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2, Điều 12 của Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định Điều lệ trường cao đẳng.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.330.000 - 3.108.000 = 222.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

161. Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập (1.010590)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 1, Điều 12 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về điều lệ trường trung cấp.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.330.000 - 3.108.000 = 222.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính

162. Miễn nhiệm, cách chức chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập (1.010592)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 4, Điều 13 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về điều lệ trường trung cấp.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính

163. Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục (1.010593)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 1, Điều 15 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về điều lệ trường trung cấp.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính

164. Thôi công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục (1.010596)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).
- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2, Điều 19 của Thông tư số 14/2021/TT-BLĐTĐBXH ngày 20/10/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về điều lệ trường trung cấp.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

A2. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

165. Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật (1.001806)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Kiến nghị bãi bỏ Thủ tục Công nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

b) *Kiến nghị thực thi*

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành theo Quyết định số 220/QĐ-LĐTBXH ngày 27/02/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa:*

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 đồng/01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

166. Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào các cơ sở trợ giúp trẻ em (1.001310)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành tại Quyết định số 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt; bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho tổ chức và cá nhân.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 đồng/01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%..

167. Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em (1.001305)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.

- Lý do: Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành 101/QĐ-LĐTBXH ngày 22/01/2016 về việc công bố công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt; bãi bỏ thủ tục hành chính không cần thiết, tạo điều kiện cho tổ chức và cá nhân.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 đồng/01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

168. Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh, cấp huyện (2.000286)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cơ quan thực hiện TTHC: Tại phần nội dung cơ sở cấp huyện "UBND huyện ra quyết định vào cơ sở" đề nghị điều chỉnh thành "Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có văn bản đề nghị Giám đốc cơ sở ra quyết định tiếp nhận đối tượng vào cơ sở".

Giảm thời gian giải quyết: Rút ngắn 3 ngày giải quyết thủ tục hành chính: Từ 27 ngày xuống 24 ngày.

- Lý do: Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính; phân quyền giải quyết về cho Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện.

b) Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Sửa đổi cơ quan ban hành quyết định và thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điểm d, Khoản 1, Điều 28, Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội (trường hợp đưa đối tượng vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện).

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa: Nhằm cắt giảm quy trình thực hiện thủ tục hành chính; phân quyền giải quyết, giảm thời gian giải quyết TTHC.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 27 ngày (thời gian quy định) = 5.994.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020) x 24 ngày = 5.328.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 5.994.000 - 5.328.000 = 666.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho đối tượng về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

A3. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

169. Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (2.000027)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 17 ngày làm việc xuống 10 ngày làm việc (giảm 07 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 10 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 17 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 12, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 17 ngày còn 10 ngày).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 17 ngày (thời gian quy định) = 3.774.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày = 2.200.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.774.000 - 2.220.000 = 1.574.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 41.2%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

170. Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân. (2.000032)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết Hồ sơ từ 14 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc (giảm 07 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điều 11, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày làm việc còn 07 ngày làm việc)

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 14 ngày (thời gian quy định) = 3.108.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 7 ngày = 1.554.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.108.000 - 1.554.000 = 1.554.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

171. Gia hạn Giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân (2.000036)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Giảm thời hạn giải quyết Hồ sơ từ 14 ngày xuống còn 07 ngày (giảm 07 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính trong 14 ngày là dài so với thực tế. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 14 ngày làm việc xuống 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 13, Nghị định số 09/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống mua bán người (rút ngắn thời gian thẩm định hồ sơ từ 14 ngày còn 07 ngày).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 14 ngày (thời gian quy định) = 3.108.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 7 ngày = 1.554.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.108.000 - 1.554.000 = 1.554.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

A4. LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH LAO ĐỘNG

172. Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài (1.000105)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết từ 10 ngày xuống còn 09 ngày.

- Lý do: ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi, giảm thời gian thực hiện tại Khoản 2, Điều 4 Nghị định số 152/2020/NĐ-CP ngày 30/12/2020 của Chính phủ quy định về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam và tuyển dụng, quản lý người lao động Việt Nam làm việc cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tại Việt Nam.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 9 ngày = 1.998.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $2.220.000 - 1.998.000 = 222.000$ đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 222.000×608 hồ sơ = 134.976.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7.7%

- Việc Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tạo thuận lợi, giảm thời gian giải quyết hồ sơ cho doanh nghiệp và người lao động nước ngoài.

173. Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động (2.000134)

a) Nội dung đơn giản hóa: Kiến nghị bãi bỏ thủ tục Khai báo với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.

b) Kiến nghị thực thi

- Đề nghị sửa đổi quy trình thực hiện Khoản 2, Điều 3 Nghị định số 04/2023/NĐ-CP ngày 13/12/2023 của Chính phủ quy định về Sửa đổi, bổ sung một

số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Kiến nghị bãi bỏ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh ban hành tại Quyết định số 1872/QĐ-LĐTBXH ngày 04/12/2017 về việc công bố công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Thực hiện theo đường công văn (văn bản đến nếu có phát sinh hồ sơ).

b) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.110.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính.

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.110.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 1.110.000 x 452 hồ sơ = 501.720.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

174. Cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (1.000479)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày làm việc xuống 19 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 3, Điều 25 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.440.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 19 ngày = 4.218.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 4.440.000 - 4.218.000 = 222.000 đồng

- + Chi phí tiết kiệm năm 2022: $222.000 \times 28 \text{ hồ sơ} = 6.216.000 \text{ đồng}$
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5%
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

175. Gia hạn Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động (1.000464)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày làm việc xuống 14 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại điểm b Khoản 3, Điều 26 của Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $222.000 \text{ đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020)} \times 15 \text{ ngày (thời gian quy định)} = 3.330.000 \text{ đồng/01 hồ sơ}$.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: $222.000 \text{ đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020)} \times 14 \text{ ngày} = 3.108.000 \text{ đồng/1 hồ sơ}$.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 \text{ đồng}$.

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: $222.000 \times 6 \text{ hồ sơ} = 1.332.000 \text{ đồng}$

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 5.7%.

176. Giải quyết chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp của người lao động giao kết hợp đồng lao động với nhiều người sử dụng lao động, gồm: Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh, chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động (2.002341)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày làm việc xuống 04 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Nghị định số 88/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.110.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 4 ngày = 888.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.110.000 - 888.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

177. Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ doanh nghiệp có nhu cầu tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập) (1.005449)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 25 ngày làm việc xuống 24 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: ứng dụng công nghệ thông tin và nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 11 Điều 1 Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

b) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 25 ngày (thời gian quy định) = 5.550.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 24 ngày = 5.328.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $5.550.000 - 5.328.000 = 222.000$ đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4 %
- Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

A5. LĨNH VỰC TRẺ EM

178. Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em (1.004946)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Vì thủ tục hành chính này khi công khai thực hiện thủ tục hành chính có nội dung chứa thông tin liên quan đến trẻ em cần được bảo vệ. Từ khi ban hành thủ tục đến nay chưa phát sinh hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Quyết định số 847/QĐ-LĐTBXH ngày 09/6/2017 của Bộ LĐTBXH về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực trẻ em thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Nhằm cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Bảo mật thông tin liên quan đến trẻ em cần được bảo vệ.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: bãi bỏ thủ tục hành chính.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 10 ngày = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 đồng/01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ)

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 100%.

A6. LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG

179. Công nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh (1.010806)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết từ 104 ngày xuống còn 103 ngày.

- Lý do: Nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi, giảm thời gian thực hiện tại Khoản c, Điểm 2, Điều 39, Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 104 ngày (thời gian quy định) = 23.088.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 103 ngày = 22.866.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 23.088.000 - 22.866.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 0.97%.

- Việc Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tạo thuận lợi, giảm thời gian giải quyết hồ sơ cho đối tượng người có công.

180. Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý (1.010811)

a) *Nội dung đơn giản hóa*

- Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian giải quyết từ 42 ngày xuống còn 40 ngày.

- Lý do: Nâng cao năng lực giải quyết của công chức được giao nhiệm vụ.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị sửa đổi, giảm thời gian thực hiện tại Khoản a, Điểm 3, Điều 90, Nghị định 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi Người có công với cách mạng.

c) *Lợi ích của phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 42 ngày (thời gian quy định) = 9.324.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 40 ngày = 8.880.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $9.324.000 - 8.880.000 = 444.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4.8%

- Việc Giảm thời gian giải quyết hồ sơ tạo thuận lợi, giảm thời gian giải quyết hồ sơ cho đối tượng người có công.

A7. LĨNH VỰC VIỆC LÀM

181. Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi) - 2.000178

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi), Trung tâm DVVL có thể thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc để giảm việc chờ đợi của người lao động. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 2, Điều 22, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/ngày/năm 2020 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $666.000 - 444.000 = 222.000$ đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 222.000×527 hồ sơ = 116.994.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%

- Tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động về mặt thời gian khi thực hiện thủ tục hành chính.

182. Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến) - 1.000401

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thời gian giải quyết: Đề nghị cắt giảm thời gian giải quyết từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc (giảm 01 ngày làm việc).

- Lý do: Qua quá trình giải quyết thủ tục hành chính Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến), Trung tâm DVVL có thể phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội thực hiện trong vòng 02 ngày làm việc và vẫn đảm bảo hoàn thành công việc. Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 03 ngày làm việc xuống 02 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 7, Điều 22, Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

+ Chi phí thời gian thực hiện TTHC: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 3 ngày (thời gian quy định) = 666.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 2 ngày = 444.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 666.000 - 444.000 = 222.000 đồng

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: 222.000 x 196 hồ sơ = 43.512.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33.3%.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

183. Công bố cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (1.010940)

a) Nội dung đơn giản hóa.

- Về thành phần hồ sơ: Không yêu cầu cung cấp lý lịch tư pháp.

- Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 08 ngày.

- Lý do: Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập là công chức, qua quá trình công tác đã thể hiện rõ lý lịch, nên việc yêu cầu cung cấp phiếu lý lịch tư pháp là không hợp lý.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điểm d, Khoản 1, Điều 17, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 17 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

- Sửa đổi Quyết định số 470/QĐ-BLĐTBXH ngày 03/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc công bố các thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trong lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 8 ngày = 1.776.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: $2.220.000 - 1.776.000 = 444.000$ đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

- Giảm giảm số lượng thành phần hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

+ Chi phí thực hiện thủ tục hành chính khi có thành phần hồ sơ liên quan đến lý lịch tư pháp: 2.200.000 đồng/01 hồ sơ. (trong đó lệ phí cấp lý lịch tư pháp 200.000 đồng/ly lịch)

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thành phần hồ sơ là lý lịch tư pháp cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm x 10 ngày = 2.220.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm:

Chi phí sau khi bỏ lý lịch tư pháp/ 01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ): $2.220.000 - 200.000 = 2.020.000$ đồng /hồ sơ

Chi phí tiết kiệm năm 2022: chưa phát sinh hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9.1%.

184. Đơn giản hóa quy định hành chính:

Công bố lại cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng:

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thành phần hồ sơ: Không yêu cầu cung cấp lý lịch tư pháp.

- Lý do: Người đứng đầu cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện, cơ sở cai nghiện ma túy công lập là công chức, qua quá trình công tác đã thể hiện rõ lý lịch, nên việc yêu cầu cung cấp phiếu lý lịch tư pháp là không hợp lý.

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 19, Nghị định số 116/2021/NĐ-CP ngày 21/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*

- Nhằm đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính nhằm giảm số lượng hồ sơ thủ tục hành chính theo Đề án được Chính phủ phê duyệt.

- Chi phí thực hiện thủ tục hành chính khi có thành phần hồ sơ liên quan đến lý lịch tư pháp: 2.200.000 đồng/01 hồ sơ. (trong đó lệ phí cấp lý lịch tư pháp 200.000 đồng/ly lịch).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thành phần hồ sơ là lý lịch tư pháp cho tổ chức, cá nhân.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm x 10 ngày = 2.220.000 đồng/1 hồ sơ).

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí sau khi bỏ lý lịch tư pháp/ 01 hồ sơ (trường hợp phát sinh hồ sơ): $2.220.000 - 200.000 = 2.020.000$ đồng /hồ sơ

+ Chi phí tiết kiệm năm 2022: chưa phát sinh hồ sơ.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 9.1%.

185. Công bố tổ chức, cá nhân đủ điều kiện cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (1.010938)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 08 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản b, Điểm 2, Điều 17 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:*

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 8 ngày = 1.776.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 - 1.776.000 = 444.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

186. Công bố lại tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình, cộng đồng (1.010939)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết hồ sơ từ 10 ngày xuống còn 08 ngày.

Lý do: giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi thời gian thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Khoản 3, Điều 19 của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa TTHC:

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 8 ngày = 1.776.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 - 1.776.000 = 444.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B2. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

187. Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật (1.001653)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

Lý do: Giảm thời gian chờ giải quyết hồ sơ cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi quy định tại Mục 2, Điều 09, Thông tư số 01/2019/TT-BLĐTBXH ngày 02/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã

hội quy định về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng xác định mức độ khuyết tật thực hiện.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5 ngày X 260.000đ/người/ngày = 1.300.000đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 4 ngày X 260.000đ/người/ngày = 1.040.000đ.

Chi phí tiết kiệm: 1 ngày X 260.000đ/người/ngày = 260.000đ.

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

188. Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng (1.001776)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ bước người dân xuất trình các giấy tờ, như: Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản xác nhận của công an xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là công an cấp xã) để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai.

Lý do: Theo quy định về trình tự thực hiện thủ tục hành chính tại Điều 8, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ; quy định tại Quyết định 961/QĐ-UBND ngày 30/3/2020 của UBND tỉnh sau khi nộp hồ sơ thì người dân cần xuất trình các giấy tờ sau để cán bộ tiếp nhận hồ sơ đối chiếu các thông tin kê khai trong tờ khai. Tuy nhiên, nội dung này Văn phòng Chính phủ và UBND tỉnh đã có chỉ đạo, hướng dẫn “không yêu cầu người dân xuất trình” tại Công văn số 1472/VPCP-KSTT của Văn phòng Chính phủ, Công văn 2469/UBND-HCC ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh về công bố, công khai, hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính có yêu cầu nộp, xuất trình sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú hoặc giấy xác nhận tại nơi cư trú.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ, như sau: Bỏ đoạn “Sổ hộ khẩu của đối tượng hoặc văn bản xác nhận của công an xã, phường, thị trấn. Chứng minh thư nhân dân” sửa đổi thành “Thẻ căn cước công dân hoặc sử dụng phần mềm VNeID”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa: Tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính.

189. Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (1.001731)

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày xuống còn 04 ngày với điều kiện đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 4, Điều 11, Nghị định số 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định các chính sách trợ giúp xã hội đối với các đối tượng bảo trợ xã hội

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 5 ngày (thời gian quy định) = 1.110.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 4 ngày = 888.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 1.110.000- 888.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

190. Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ (1.010803)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Về thời gian giải quyết: Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục hành chính từ 24 ngày làm việc xuống còn 22 ngày. Trong đó, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội rút ngắn giải quyết hồ sơ từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

- Lý do: Thời gian giải quyết quá nhiều so với nội dung cần thực hiện thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 3, Điều 28, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, như sau: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách gửi các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 24 ngày (thời gian quy định) = 5.328.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 22 ngày = 4.884.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 5.328.000 - 4.884.000 = 444.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.3%.

191. **Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần (1.010824)**

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Thời gian giải quyết hồ sơ đối với thủ tục hành chính này là 24 ngày làm việc xuống còn 22 ngày; trong đó, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giải quyết hồ sơ là 7 ngày làm việc, đề nghị xem xét rút ngắn thời gian còn 5 ngày làm việc tại Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội (giảm 02 ngày làm việc).

Lý do: Thực tế thực hiện TTHC cho thấy có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn.

b) *Kiến nghị thực thi:*

- Sửa đổi Khoản 3, Điều 122, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, như sau: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách gửi các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.

- Sửa đổi Khoản 3, Điều 123, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, như sau: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ, có trách nhiệm tổng hợp, lập danh sách gửi các giấy tờ theo quy định đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội”.

- Sửa đổi Khoản 3, Điều 124, Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ, như sau: “Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ các giấy tờ, có trách nhiệm kiểm tra, lập danh sách những trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất hằng tháng và trợ cấp tuất nuôi dưỡng hằng tháng kèm đầy đủ các giấy tờ gửi đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nơi quản lý hồ sơ”.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 24 ngày (thời gian quy định) = 5.328.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 22 ngày = 4.884.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 5.328.000 - 4.884.000 = 444.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 8.3%

B4. LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

192. Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (2.001960)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Sửa đổi thành phần hồ sơ có yêu cầu nộp sổ hộ khẩu trong thủ tục hành chính.

Lý do: Căn cứ Nghị định 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính không yêu cầu người dân phải nộp sổ hộ khẩu nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi:

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính: Kiến nghị sửa đổi Khoản đ, Khoản e, Mục 2, Điều 4 thuộc Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BLĐTBXH-BGDĐT-BTC ngày 16/6/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

- Nội dung kiến nghị: Bỏ sổ hộ khẩu trong thành phần hồ sơ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:* Bỏ các thành phần hồ sơ không cần thiết nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI

193. Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật (1.001699)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- *Giảm thời gian xác định mức độ khuyết tật:* Đề xuất Giảm 05 ngày, thời hạn giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Giảm thành phần hồ sơ:*

Từ: “02 ảnh màu 4x6cm chân dung của người đề nghị chụp trong thời gian không quá 06 tháng”. Đối với trường hợp Hội không đưa ra được mức độ khuyết tật và một số trường hợp đi giám định theo văn bản của Sở Lao động thương binh xã hội (người mắc bệnh mãn tính), khi Hội đồng giới thiệu đối tượng đi giám định y khoa, Trung tâm giám định y khoa yêu cầu có gắn hình chân dung 4 x 6.

Thành: “02 ảnh màu 4x6cm chân dung của người đề nghị chụp trong thời gian không quá 06 tháng” hoặc tệp tin ảnh màu cỡ 4x6cm chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng (Đối với trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến)

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân đề nghị hưởng chế độ Bảo trợ xã hội về xác định mức độ khuyết tật.

b) *Kiến nghị thực thi*: Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội xem xét sửa đổi TTHC tại Quyết định số 596/QĐ-LĐTBXH ngày 25-04-2019 về việc Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo trợ xã hội thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 200.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 25 ngày (thời gian quy định) = 5.000.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí chụp và in ảnh màu 4x6: 20.000 đồng/2 ảnh 4x6/1 hồ sơ.

Tổng cộng: 5.000.000 + 20.000 = 5.020.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 200.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 20 ngày (thời gian quy định) = 4.000.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí chụp và in ảnh màu 4x6: 0 đồng/2 ảnh 4x6/1 hồ sơ.

Tổng cộng: 4.000.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 5.020.000 – 4.000.000 = 1.020.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20,32%

194. Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (1.011609)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính:

+ Giảm thời gian công nhận hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

+ Giảm thông tin yêu cầu kê khai trên biểu mẫu.

+ Giảm 05 ngày, thời hạn giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính: Từ 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ xuống còn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

- *Đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ*: Giảm nội dung tin trong biểu mẫu 01, giảm phần lý do, giảm phần thông tin thành viên trong hộ:

- Từ: tờ khai biểu mẫu khai nhiều nội dung thông tin cá nhân, và thông tin của các thành viên trong hộ, lý do đề nghị trong biểu mẫu quy định người phải kê khai phải ghi rõ nội dung như sau:

+ Hộ gia đình đề nghị rà soát hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình vì các lý do như:

+ Bị ảnh hưởng bởi thiên tai (hạn hán, lũ lụt, bão, giông lốc, sóng thần); môi trường bị ô nhiễm nặng; tai nạn lao động, tai nạn giao thông, bệnh tật nặng; rủi ro về kinh tế (chịu thiệt hại nặng về các tài sản chủ yếu như nhà ở, công cụ sản xuất, mất đất sản xuất, mất mùa, dịch bệnh); rủi ro về xã hội (bị lừa đảo, là nạn nhân của tội phạm)...

+ Có biến động về nhân khẩu trong hộ gia đình (có thêm con, bộ đội xuất ngũ trở về gia đình, lao động chính trong hộ bị chết...).

- Thành: Cung cấp thông tin cá nhân của chủ hộ (hoặc 1 thành viên đại diện trong hộ.

Lý do: Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho cá nhân đề nghị hưởng chế độ cho người làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình.

b) *Kiến nghị thực thi:* Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Lao động Thương binh xã hội xem xét sửa đổi TTHC tại Quyết định số 406/QĐ-LĐTBXH ngày 03-04-2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 200.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.000.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Khai đủ thông tin trong biểu mẫu yêu cầu mất nhiều thời gian và nhiều lợi giấy tờ cá nhân gốc của tất cả các cá nhân được khai trong biểu mẫu đewer

Tổng cộng: 3.000.000 + 10.000 = 3.010.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 200.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2023 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.000.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí pho to mẫu đơn: 0 đồng/1 hồ sơ.

Tổng cộng: 2.000.000đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: 3.010.000 – 2.000.000 = 1.010.000 đồng/1 hồ sơ

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33,55%.

195. Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011607)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống 14 ngày.

Lý do: Giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2, Điều 5 tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTG ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%

196. Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm (1.011608).

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày xuống 14 ngày (Cụ thể: Tại bước 2. Thực hiện công tác chuyên môn, rà soát hộ nghèo cận nghèo từ 7 ngày còn lại 6 ngày).

Lý do: nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Khoản 2, Điều 5 tại Quyết định số 24/2021/QĐ-TTG ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 15 ngày (thời gian quy định) = 3.330.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 14 ngày = 3.108.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 3.330.000 - 3.108.000 = 222.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 6.7%.

197. Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (2.000355)

a) *Nội dung đơn giản hóa:* Đề xuất rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 5 ngày làm việc (rút ngắn 5 ngày làm việc).

Lý do: Thực tế thực hiện TTHC cho thấy có thể rút ngắn thời gian giải quyết TTHC cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai kịp thời, nhiều hồ sơ được giải quyết trước hạn.

b) *Kiến nghị thực thi:* Sửa đổi Khoản 2, Điều 47, Nghị định số 103/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức, hoạt động, giải thể và quản lý các cơ sở bảo trợ xã hội.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm thời gian cho người dân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/năm 2020 x 10 ngày (thời gian quy định) = 2.220.000 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: giảm thời gian giải quyết cho tổ chức, cá nhân.

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 222.000 đồng (thu nhập bình quân 1 người/1 ngày/ năm 2020 x 5 ngày = 1.110.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/ 01 hồ sơ: 2.220.000 - 1.110.000 = 1.110.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

XII. SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

198. Công nhận trường Trung học đạt chuẩn quốc gia (1.000691)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Nội dung: Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 120 ngày làm việc xuống 84 ngày làm việc.

- Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC Công nhận trường Trung học đạt chuẩn quốc gia (mã số TTHC 1.000691) tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Ước tính tần suất giải quyết TTHC trong 01 năm là: 22 hồ sơ TTHC.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 4.805.029.548 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 3.325.240.204 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 1.479.789.344 đồng/năm. Giảm được 30,8 % chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ cắt giảm thời gian giải quyết: 30 % so với quy định.

199. Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 120 ngày làm việc xuống 84 ngày làm việc.

- Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC Công nhận trường Tiểu học đạt chuẩn quốc gia (mã số TTHC: 1.000280) tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Ước tính tần suất giải quyết TTHC trong 01 năm là: 18 hồ sơ TTHC.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 3.931.387.812 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 2.720.651.076 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 1.210.736.736 đồng/năm. Giảm được 30,8 % chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm giải quyết: 30 % so với quy định.

200. Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Nội dung: Cắt giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính từ 120 ngày làm việc xuống 84 ngày làm việc.

- Lý do: Quy trình giải quyết thủ tục hành chính đơn giản, không mất nhiều thời gian. Vì vậy, có thể rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức và cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, điều chỉnh thời gian giải quyết TTHC Công nhận trường Mầm non đạt chuẩn quốc gia (1.000288) tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Tiết kiệm thời gian cho tổ chức, cá nhân trong quá trình thực hiện thủ tục hành chính; tăng cường trách nhiệm của công chức trong việc thực hiện giải quyết thủ tục hành chính.

- Ước tính tần suất giải quyết TTHC trong 01 năm là: 25 hồ sơ TTHC.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 5.460.260.850 đồng/năm.

- Chi phí tuân thủ thực hiện thủ tục hành chính sau khi đơn giản hóa: 3.778.682.050 đồng/năm.

- Chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa thủ tục hành chính: 1.681.578.800 đồng/năm. Giảm được 30,8 % chi phí cho tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ thời gian cắt giảm giải quyết: 30 % so với quy định.

201. Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (đối với người khuyết tật là học sinh THPT học tại cơ sở giáo dục công lập) - 1.001714

a) Nội dung đơn giản hóa Giảm thành phần hồ sơ: Thay thế quy định nộp Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng) và Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng) thành bản sao kèm bản chính để đối chiếu.

Lý do: Yêu cầu nộp "Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước (bản sao có công chứng)" và "Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp (bản sao có công chứng)" là không cần thiết, vì để xác thực bản sao thì cán bộ của cơ quan hành chính chỉ cần kiểm tra, đối chiếu bản sao với bản chính là đủ.

Trong khi đó, nếu đặt ra yêu cầu này sẽ làm cho cá nhân phải mất thời gian và chi phí thực hiện thêm thủ tục hành chính Chứng thực bản sao từ bản chính các giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Tiết 1, Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Cụ thể: "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận về khuyết tật do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của Nhà nước".

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Tiết 2, Điểm a, Khoản 1, Điều 8, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính quy định chính sách về giáo dục đối với người khuyết tật. Cụ thể: "Bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy chứng nhận là hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo do UBND cấp xã, phường, thị trấn cấp".

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 79.245.880 đồng/năm;
- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 52.635.920 đồng/năm
- Tổng chi phí tiết kiệm: 26.609.960 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí sau đơn giản hóa: 33,58%.

202. Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục (1.005074)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao chứng thực.
- Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 20 ngày làm việc xuống 18 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm xét hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.986.640 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 10 hồ sơ): 4.429.600đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

203. Cho phép hoạt động giáo dục đối với Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (1.006446)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao chứng thực; Bỏ thành phần hồ sơ” Mô tả cấp học, trình độ đào tạo, ngành đào tạo, mẫu văn bằng CC”.
- Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 20 xuống 18 ngày làm việc
- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm xét hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo..

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 4.429.600 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3.986.640 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 20 hồ sơ): 8.859.200đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

204. Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục (1.001497)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 40 ngày làm việc xuống 37 ngày làm việc.

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm xét hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 8.859.200 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 8.194.760 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 664.440đồng/hồ sơ

- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 12 hồ sơ): 7.973.280đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 7,5%.

205. Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục (1.006388)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ ý kiến bằng văn bản của các cơ quan có liên quan.
- Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 25 ngày làm việc xuống 24 ngày làm việc.

Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm xét hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.537.000 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTITC sau khi đơn giản hóa: 5.315.520 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 221.480 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 10 hồ sơ): 2.214.800đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 4%.

206. Đăng kí hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam (1.001492)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ bản sao chứng thực.
- Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 10 ngày làm việc xuống 8 ngày làm việc

Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm xét hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi Quyết định số 2563/QĐ-BGDĐT ngày 10/7/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ, bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.214.800 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.771.840 đồng/hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 2 hồ sơ): 885.920đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

207. Công nhận tỉnh đạt chuẩn Phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (1.002166)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC của Tỉnh và đưa vào TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo

Lý do: Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ TTHC tại đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản:

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %

208. Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (2.000011)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC của Tỉnh và đưa vào TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo

Lý do: Theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo bãi bỏ TTHC tại đổi Quyết định số 2180/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo..

c) Lợi ích của phương án đơn giản:

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

A2. LĨNH VỰC GIÁO DỤC TRUNG HỌC

209. Chuyển trường học sinh trung học phổ thông (2.002478)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Theo Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì Thủ tục này được phân cấp thẩm quyền xử lý từ Trường phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục; kiến nghị bãi bỏ thủ tục này để phù hợp phân cấp giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ thủ tục hành chính tại Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Thực hiện phân cấp thẩm quyền xử lý về Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục theo Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ).

c) Lợi ích của phương án đơn giản: Phù hợp với phân cấp quản lý và tiết kiệm thời gian cho người dân.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.214.800 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.771.840 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 400 hồ sơ): 177.184.000 đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 80%.

210. Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học (1.001088)

a) Nội dung đơn giản hoá:

Giảm thành phần hồ sơ: Kiến nghị bãi bỏ thành phần hồ sơ “*Bản sao giấy khai sinh*”.

Lý do: Thành phần hồ sơ này không cần thiết và không được quy định tại Điều 6, Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông. Tuy nhiên, được quy định tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi nội dung Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phù hợp với quy định tại Quyết định số 51/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 25/12/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

"Bãi bỏ Điểm d, Mục 8.3.1, Thủ tục số 8: Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học".

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 9.150.000 đồng/năm.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 5.528.000 đồng/năm.
- Chi phí tiết kiệm: 3.622.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 39.6%.

A3. LĨNH VỰC HỆ THỐNG VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ

211. Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (1.005092)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất đơn giản hóa thành phần hồ sơ: Từ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) thành tập tin file có chứa bản scan, bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

Lý do: Do cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (phần mềm một cửa điện tử egov) nên công chức tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và số hóa Giấy tờ pháp lý của cá nhân (scan chụp) mà không yêu cầu người dân nộp hồ sơ phải nộp bản sao CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân. Nhằm giảm thời gian chi phí và tạo điều kiện cho người dân thực hiện thủ tục.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 31 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa: 3.000 đồng/30 x 1 trang A4 (số trang của bản sao giấy tờ) = 3.000 đồng/1 hồ sơ.
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/1 hồ sơ.

212. Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (2.001914)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời hạn giải quyết Thủ tục hành chính từ 5 ngày làm việc xuống 4 ngày làm việc.

- Lý do: Đơn giản hóa TTHC nhưng vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình giải quyết hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị sửa đổi Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.107.400 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 885.920 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 221.480 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 100 hồ sơ): 22.148.000đ
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

** Nhóm thủ tục:*

213. Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở (2.002481)

214. Tiếp nhận học sinh THCS Việt Nam về nước (2.002482)

215. Tiếp nhận học sinh THCS người nước ngoài (2.002483)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề nghị bãi bỏ thủ tục hành chính.

Lý do: Theo Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì các thủ tục này được phân cấp thẩm quyền xử lý từ Trường phòng Giáo dục và Đào tạo về Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ các thủ tục hành chính nêu trên tại tại Quyết định số 941/QĐ-BGDĐT ngày 06/04/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phân cấp thẩm quyền xử lý về Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục theo Khoản 2, mục A, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Lợi ích của phương án đơn giản: Phù hợp với phân cấp quản lý.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.214.800 đồng/hồ sơ
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.771.840 đồng/hồ sơ
- Chi phí tiết kiệm: 442.960 đồng/hồ sơ
- Tổng chi phí tiết kiệm 1 năm (Dự tính 50 hồ sơ): 22.148.000đồng/năm
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 10%.

216. Công nhận xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ (1.005106)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bãi bỏ thủ tục hành chính này trong Bộ TTHC và đưa vào TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Điều chỉnh phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

*** Lý do:**

- Thực hiện thủ tục hành chính nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết theo Khoản 2, mục B, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ thì Thủ tục này phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi:

- Bãi bỏ TTHC nêu trên đã được ban hành tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Thực hiện TTHC nội bộ theo Quyết định số 2344/QĐ-BGDĐT ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản:

- Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện thuận lợi trong giải quyết TTHC.
- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 3.180.000 đồng
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.060.000 đồng
- Chi phí tiết kiệm: 2.120.000 đồng
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

217. Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã (1.005097)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC: Điều chỉnh phân cấp cơ quan thực hiện Phòng Giáo dục và Đào tạo thành Hội Khuyến học.

Lý do:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết theo Khoản 4, mục B, Phụ lục IV, Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Đối với Quy trình đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã thì cơ quan giải quyết là Hội Khuyến học huyện. Do đó, kiến nghị sửa đổi phân cấp cho Hội Khuyến học, không phải Phòng Giáo dục và Đào tạo.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thẩm quyền giải quyết TTHC nêu trên đã được ban hành tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản: Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 2.544.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 848.000 đồng

- Chi phí tiết kiệm: 1.696.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 66,7 %.

Nhóm các TTHC:

218. Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo (1.001622)

219. Trợ cấp đối với trẻ em mồ côi là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp (1.008950)

a) Nội dung đơn giản hóa: Điều chỉnh phân cấp từ Phòng Giáo dục Đào tạo về UBND cấp huyện.

Lý do:

- Phân cấp thẩm quyền giải quyết theo Khoản 5, Mục B, Phụ lục IV Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung này liên quan đến kinh phí lớn của huyện nên kiến nghị không phân cấp giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi: Giữ nguyên phân cấp thủ tục hành chính nêu trên được ban hành tại Quyết định số 711/QĐ-BGDĐT ngày 13-03-2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo

c) Lợi ích của phương án: Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.200.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.600.000 đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 2.600.000 đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

220. Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp (1.008951)

a) Nội dung đơn giản hóa: Điều chỉnh phân cấp từ Phòng Giáo dục Đào tạo về UBND cấp huyện.

Lý do:

- Theo Khoản 5, Mục B, Phụ lục IV Quyết định số 1015/QĐ-TTg, ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ: Phân cấp thẩm quyền giải quyết từ UBND cấp huyện về Trường phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Nội dung này liên quan đến kinh phí lớn của huyện nên kiến nghị không phân cấp giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi: Giữ nguyên phân cấp thủ tục hành chính nêu trên được ban hành tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án: Phù hợp với phân cấp quản lý, tạo điều kiện trong giải quyết TTHC.

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 5.200.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 2.600.000đồng/1 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: 2.600.000đồng

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

221. Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (2.001842)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục từ 20 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

- Lý do: Giảm chi phí và thời gian cho cá nhân, tổ chức.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị giảm thời gian giải quyết thủ tục Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục (mã số TTHC 2.001842) tại Quyết định số 2108/QĐ-BGDĐT ngày 24-06-2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc công bố Bộ thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Lợi ích của phương án đơn giản hóa:

- Rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục của tổ chức, cá nhân, vẫn đảm bảo đúng quy trình.

- Giảm chi phí tuân thủ TTHC của tổ chức, cá nhân:

+ Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính trước khi đơn giản hóa: 2.000.000 đồng/hồ sơ.

- + Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.500.000 đồng/hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm: 500.000 đồng/hồ sơ.
- + Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

222. Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục (1.006390)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Rút ngắn thời gian ra quyết định cấp phép hoạt động của Trường Phòng Giáo dục và Đào tạo từ 10 ngày xuống còn 07 ngày nếu trường mẫu giáo, mầm non, nhà trẻ đáp ứng các điều kiện theo quy định.

Lý do đơn giản hoá: Rút ngắn thời gian chờ cấp phép hoạt động cho tổ chức hoặc cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm d, Khoản 3, Điều 6, Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công X 260.000 = 2.600.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 07 ngày công X 260.000 = 1.820.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 780.000 đồng (03 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 30%.

223. Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở (2.001809)

a) Nội dung đơn giản hoá:

- Rút ngắn thời gian ra quyết định cho phép sáp nhập, chia, tách trường THCS từ 20 ngày xuống còn 15 ngày kể từ khi tất cả các thủ tục đã hoàn tất.

- Lý do đơn giản hoá: Rút ngắn thời gian cho nhà trường đi vào hoạt động.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi Điểm c, Khoản 3, Điều 26, Nghị định 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

c) Lợi ích phương án đơn giản hoá:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 20 ngày công X 260.000 = 5.200.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)
- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 15 ngày công X 260.000 = 3.900.000 đồng.
- Chi phí tiết kiệm: 1.300.000 đồng (05 ngày công).
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

224. Thành lập trung tâm học tập cộng đồng (1.004439)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết tại Khoản 3, Điều 43 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/ năm 2022) $28 = 3.180.000$ đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/ năm 2022) $= 2.756.000$ đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 424.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13 %.

225. Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại (1.004440)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC: Từ 15 ngày làm việc xuống 13 ngày làm việc.

- Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết tại Khoản 3, Điều 43 của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/ năm 2022) $29 = 3.180.000$ đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 13 ngày công x 212.000 đồng (thu nhập bình quân 01 người/01 ngày/ năm 2022) $= 2.756.000$ đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả).

- Chi phí tiết kiệm: 424.000 đồng (02 ngày công).

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 13 %.

B2. LĨNH VỰC VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ**226. Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (1.005092)**

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Đề xuất đơn giản hóa: Thành phần hồ sơ: Từ Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng (bản sao có chứng thực hoặc bản chính) thành tập tin file có chứa bản scan, bản chụp Giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

- Lý do: Do cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư được chia sẻ và kết nối với dữ liệu của hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (phần mềm một cửa điện tử egov) nên công chức tiếp nhận hồ sơ sử dụng dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và số hóa Giấy tờ pháp lý của cá nhân (scan chụp) mà không yêu cầu người dân nộp hồ sơ phải nộp bản sao CMND/thẻ căn cước công dân/số định danh cá nhân, hộ chiếu hoặc Giấy chứng minh quân đội hoặc sổ hộ khẩu hoặc giấy tờ khác để chứng minh nhân thân. Nhằm giảm thời gian chi phí và tạo điều kiện cho người dân thực hiện thủ tục.

- Thẩm quyền đơn giản hóa: Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi Điểm b, Khoản 1, Điều 31 Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa: 3.000 đồng/30 x 1 trang A4 (số trang của bản sao giấy tờ) = 3.000 đồng/1 hồ sơ.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm: 3.000 đồng/1 hồ sơ.

XIII. SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

227. Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp (1.002809)

a) *Nội dung đơn giản hóa*:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ trong thành phần hồ sơ bản sao thẻ căn cước công dân.

- Lý do: Nhằm thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi quy định tại Khoản 3, Điều 38, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc thực hiện thủ tục về cấp đổi giấy phép lái xe.

- Giảm chi phí cho người dân.

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng x 2 tờ A4 (số tờ của bản sao CMND, GPLX) đồng = 6.000 đồng/1 hồ sơ (áp dụng đơn giá theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin).

+ Tổng cộng trong năm 2022: 3.000 đồng x 2 tờ A4 x 28.154 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 168.924.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2022 là: 84.462.000 đồng, giảm được 50% chi phí cho người dân.

228. Cấp lại giấy phép lái xe (1.002820)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ trong thành phần hồ sơ bản sao thẻ căn cước công dân.

- Lý do: Nhằm thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 36, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc thực hiện thủ tục về cấp đổi giấy phép lái xe.

- Giảm chi phí cho người dân.

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng x 2 tờ A4 (số tờ của bản sao CMND, GPLX) đồng = 6.000 đồng/1 hồ sơ (áp dụng đơn giá theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại Khoản 2, Điều 12, Luật Tiếp cận thông tin).

+ Tổng cộng trong năm 2022: 3.000 đồng x 2 tờ A4 x 13.035 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 78.210.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2022 là: 39.105. 000 đồng, giảm được 50% chi phí cho người dân.

229. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp (1.002801)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ trong thành phần hồ sơ bản sao thẻ căn cước công dân.
- Lý do: Nhằm thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

b) Kiến nghị thực thi:

Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi quy định tại Điểm b, Khoản 1 và Điểm d, Khoản 2, Điều 40, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc thực hiện thủ tục về cấp đổi giấy phép lái xe.
- Giảm chi phí cho người dân.
- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:
 - + Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng x 2 tờ A4 (số tờ của bản sao CMND, GPLX) đồng = 6.000 đồng/1 hồ sơ (áp dụng đơn giá theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin).

+ Tổng cộng trong năm 2022: 3.000 đồng x 2 tờ A4 x 202 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 1.212.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:
- + Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.
- Chi phí tiết kiệm:
- + Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.000 đồng/1 hồ sơ.
- + Chi phí tiết kiệm trong năm 2022 là: 606.000 đồng, giảm được 50% chi phí cho người dân.

230. Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp (1.002804)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ trong thành phần hồ sơ bản sao thẻ căn cước công dân.

- Lý do: Nhằm thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

b) Kiến nghị thực thi: Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi quy định tại Khoản 4, Điều 39, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc thực hiện thủ tục về cấp đổi giấy phép lái xe.

- Giảm chi phí cho người dân.

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng x 2 tờ A4 (sổ tờ của bản sao CMND, GPLX) đồng = 6.000 đồng/1 hồ sơ (áp dụng đơn giá theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin).

+ Tổng cộng trong năm 2022: 3.000 đồng x 2 tờ A4 x 54 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 324.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2022 là: 162.000 đồng, giảm được 50% chi phí cho người dân.

231. Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài (1.002796)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Về thành phần hồ sơ: Đề nghị bỏ trong thành phần hồ sơ bản sao thẻ căn cước công dân.

- Lý do: Nhằm thực hiện phù hợp theo quy định tại Điều 14, Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công.

b) *Kiến nghị thực thi*: Đề nghị Bộ Giao thông vận tải sửa đổi quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 41, Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

- Giảm thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân trong việc thực hiện thủ tục về cấp đổi giấy phép lái xe.

- Giảm chi phí cho người dân.

- Chi phí hiện tại trước khi đơn giản hóa:

+ Chi phí hiện tại /1 hồ sơ: 3.000 đồng x 2 tờ A4 (số tờ của bản sao CMND, GPLX) đồng = 6.000 đồng/1 hồ sơ (áp dụng đơn giá theo quy định tại Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại Khoản 2, Điều 12, Luật Tiếp cận thông tin).

+ Tổng cộng trong năm 2022: 3.000 đồng x 2 tờ A4 x 1.636 (hồ sơ phát sinh năm 2022) = 9.816.000 đồng.

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa:

+ Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 0 đồng.

- Chi phí tiết kiệm:

+ Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 3.000 đồng/1 hồ sơ.

+ Chi phí tiết kiệm trong năm 2022 là: 4.900.000 đồng, giảm được 50% chi phí cho người dân.

XIV. SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

A. CẤP TỈNH

A1. LĨNH VỰC VĂN HOÁ

232. Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật (1.001123)

a) *Nội dung đơn giản hóa*: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Bãi bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật đã được cấp tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm giấy, công in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $17.000 - 0 = 17.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

233. Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (1.002003)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính chứng chỉ hành nghề đã được cấp hoặc chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính chứng chỉ hành nghề đã được cấp hoặc chứng chỉ hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ + công chụp hình thẻ 3x4: 6.000 đồng/tấm = 23.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 23.000 đồng = 23.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn, chụp hình: 0 đồng/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $23.000 - 0 = 23.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 67%

234. Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (1.003901)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 3) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh.

Lý do: Thực hiện việc kết nối dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 3) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký kinh doanh tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 01 bản sao y công chứng x 10.000 đồng = 10.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm sao y công chứng: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $10.000 - 0 = 10.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

235. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (2.001641)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng.

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b). Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản chính Giấy chứng nhận hành nghề đã được cấp hoặc Giấy chứng nhận hành nghề hết hạn sử dụng, bị hỏng tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hóa năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ + công chụp hình thẻ 3x4: 6.000 đồng/tấm = 23.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 23.000 đồng = 23.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn, chụp hình: 0 đồng/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 23.000 – 0 = 23.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

236. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (1.000963)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) *Kiến nghị thực thi:* Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến) tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $17.000 - 0 = 17.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

237. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường (1.000922)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ vũ trường đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến) tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $17.000 - 0 = 17.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

238. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)- 1.001407

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng).

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng) tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 17.000 – 0 = 17.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

239. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)-1.000919

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng).

- Lý do: Thực hiện việc kết nối dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Căn cứ thực hiện: Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi:

Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cũ (trong trường hợp bị rách hoặc hư hỏng) tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 17.000 – 0 = 17.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

A2. LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO

240. Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao của câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp (1.002445)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Lý do: Thực hiện việc kết nối dữ liệu và tái sử dụng dữ liệu để giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 01 bản sao y công chứng x 10.000 đồng = 10.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm sao y công chứng: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $10.000 - 0 = 10.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

241. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp thay đổi nội dung ghi trong giấy chứng nhận (1.003441)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) *Kiến nghị thực thi:* Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng).

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $17.000 - 0 = 17.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

242. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng (1.000983)

a) *Nội dung đơn giản hóa:*

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong sổ hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) *Kiến nghị thực thi:*

Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy chứng nhận đủ điều kiện đã được cấp bị hư hỏng trong trường hợp bị hư hỏng tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa:*

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng)

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $17.000 - 0 = 17.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%

A3. LĨNH VỰC DU LỊCH

243. Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện (1.003240)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 3) Bản sao Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện đã được cấp tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 01 bản sao y công chứng x 10.000 đồng = 10.000 đồng

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm sao y công chứng: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $10.000 - 0 = 10.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%

244. Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (1.001432)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 6) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp

Lý do: Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên thẻ cho cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Đồng thời trên Cơ sở dữ liệu trực tuyến về hướng dẫn viên du lịch đã thể hiện đầy đủ thông tin của cá nhân đã từng được cấp thẻ <https://www.huongdanvien.vn/>. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho cá nhân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi: Bỏ thành phần hồ sơ mục số 6) Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí làm thẻ HDVDL: công in thẻ: 50.000 đồng + chụp ảnh và in màu: 10.000 đồng = 60.000 đồng/thẻ

- Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí làm thẻ HDVDL: 0 đồng/01 hồ sơ.

- Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: $60.000 - 0 = 60.000$ đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 17%

B. CẤP HUYỆN

B1. LĨNH VỰC VĂN HÓA

245. Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp)- 1.000831

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2) Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản

chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến).

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 04 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

Lý do:

- Thực hiện việc số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được cấp chuyển từ thông tin trên giấy cho tổ chức, cá nhân sang dữ liệu điện tử và được lưu trữ trên Phần mềm giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh và Kho quản lý dữ liệu điện tử của đơn vị. Do đó, đơn vị có thể tái sử dụng dữ liệu khi cần thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân.

- Giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

Căn cứ thực hiện:

- Nghị định 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

- Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

b) Kiến nghị thực thi:

- *Bỏ thành phần hồ sơ mục số 2)* Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke đã được cấp: Nộp bản sao có chứng thực hoặc bản sao và xuất trình bản chính để đối chiếu (trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp); nộp bản sao có chứng thực (trường hợp nộp hồ sơ qua bưu điện hoặc trực tuyến) tại Quyết định số 3684/QĐ-BVHTTDL ngày 27/12/2022 về việc công bố thủ tục hành chính chuẩn hoá năm 2022 thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

- Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 4, Điều 12 Nghị định số 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- *Lợi ích phương án đơn giản hóa giảm thành phần hồ sơ*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Giấy in: 7.000 đồng/tờ + Công in ấn (in màu): 10.000 đồng/tờ = 17.000 đồng/tờ (01 hồ sơ phát sinh: 01 x 17.000 đồng = 17.000 đồng)

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí cắt giảm in ấn: 0 đồng/01 hồ sơ

+ Chi phí tiết kiệm: Chi phí tiết kiệm/1 hồ sơ: 17.000 – 0 = 17.000 đồng/01 hồ sơ. Khi phát sinh thủ tục sẽ tính toán được chi phí tiết kiệm thực tế dựa trên số hồ sơ phát sinh.

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 50%.

- *Lợi ích phương án đơn giản hóa giảm thời gian giải quyết:*

+ Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 04 ngày công X 260.000đ = 1.040.000đ.

+ Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công X 260.000đ = 780.000đ.

+ Chi phí tiết kiệm: 260.000đ (01 ngày công).

+ Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 25%.

246. Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (do cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa cấp huyện cấp) - (1.000903)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống 04 ngày.

Lý do: Nhu cầu thực hiện thủ tục ít, không cần nhiều thời gian thẩm định hồ sơ. Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho người dân.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 3, Điều 11, Nghị định 54/2019/NĐ-CP ngày 19/6/2019 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000đ = 1.300.000đ.

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 04 ngày công X 260.000đ = 1.040.000đ.

Chi phí tiết kiệm: 260.000đ (01 ngày công)

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%.

247. Xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm (1.000954)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ: Bản đăng ký tham gia thi đua xây dựng danh hiệu gia đình văn hóa; Bản tự đánh giá thực hiện tiêu chí bình xét gia đình văn hóa;

- Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

Lý do: Thành phần hồ sơ này đầu năm hộ gia đình đã thực hiện đăng ký tại các ấp, cuối năm các ấp xét công nhận không cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ này, việc đơn giản hóa TTHC này vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm định hồ sơ; Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Hạn chế được thủ tục rườm rà khi thực hiện thủ tục hành chính đối với gia đình và nơi tiếp nhận.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ và thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng gia đình văn hóa, thôn văn hóa, làng văn hóa, ấp văn hóa, bản văn hóa, tổ dân phố văn hóa.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000 = 1.300.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 3 ngày công X 260.000 = 780.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 520.000đ (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%.

C. CẤP XÃ

C1. LĨNH VỰC VĂN HÓA

248. Thông báo tổ chức lễ hội cấp xã (1.003622)

a) Nội dung đơn giản hóa:

Giảm thời gian giải quyết TTHC: Theo quy định thời gian giải quyết, tiếp nhận thông báo đối với lễ hội cấp xã là 15 ngày xuống còn 11 ngày.

Lý do: Nhằm giảm thời gian trong giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ sở tôn giáo, cá nhân, tổ chức trong việc tổ chức các lễ, hội. Bên cạnh đó các cơ sở tôn giáo, cá nhân, tổ chức đã chuẩn bị đầy đủ thành phần hồ sơ trước khi trình chính quyền địa phương.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2, Điều 17, Nghị định 110/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công X 260.000 = 3.900.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 11 ngày công X 260.000 = 2.860.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 1.040.000 đồng (04 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 26%.

249. Xét tặng Giấy khen gia đình văn hóa (1.001120)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ bản sao Quyết định công nhận danh hiệu gia đình văn hóa của các hộ gia đình trong 03 năm liên tục;

- Giảm thời gian giải quyết hồ sơ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc.

Lý do:

- Thành phần hồ sơ này không cần bổ sung thêm do không cần thiết và tăng kinh phí trong thực hiện thủ tục, việc đơn giản hóa TTHC này vẫn đảm bảo được yêu cầu trong quá trình thẩm định hồ sơ;

- Tặng giấy khen gia đình văn hóa trong 3 năm liên tục đã có quyết định công nhận hàng năm, rút ngắn thời gian giải quyết.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thành phần hồ sơ theo quy định tại Nghị định số 122/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ quy định về xét tặng gia đình văn hóa, thôn văn hóa, làng văn hóa, ấp văn hóa, bản văn hóa, tổ dân phố văn hóa.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Hạn chế được thủ tục rườm rà khi thực hiện thủ tục hành chính đối với gia đình và nơi tiếp nhận.

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000 = 1.300.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 03 ngày công X 260.000 = 780.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 520.000 đồng (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 40%

C2. LĨNH VỰC THƯ VIỆN

250. Thông báo chấm dứt hoạt động thư viện cộng đồng (1.008903)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian trình tự, thủ tục buộc chấm dứt hoạt động thư viện từ chậm nhất 15 ngày xuống còn chậm nhất 10 ngày.

-Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, đẩy nhanh sự khắc phục hoạt động của thư viện.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Điểm a, Khoản 2, Điều 23, Nghị định số 93/NĐ-CP ngày 18/8/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật thư viện.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 15 ngày công X 260.000 = 3.900.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 10 ngày công X 260.000 = 2.600.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 1.300.000đ (05 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 33%.

C3. LĨNH VỰC THẺ DỤC THỂ THAO

251. Công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở (2.000794)

a) Nội dung đơn giản hóa: Đề xuất: Rút ngắn thời gian công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở từ 07 ngày xuống còn chậm nhất 05 ngày.

Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp.

b) Kiến nghị thực thi: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 điều 3 thông tư số 18/2011/ATT-BVHTTDL ngày 02/12/2011 quy định mẫu về tổ chức và hoạt động của câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 07 ngày công X 260.000 = 1.820.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả)

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 05 ngày công X 260.000 = 1.300.000 đồng.

Chi phí tiết kiệm: 520.000đ (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 28%.

XV. SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

252. Đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia (2.001269)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính này ở cấp tỉnh.

- Nội dung đơn giản hóa: Đề xuất bãi bỏ 01 TTHC “Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia” được công bố tại Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC mới ban hành/TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Lý do: Đây là nhóm TTHC không được luật giao cho địa phương quy định hoặc quy định chi tiết và chủ yếu phát sinh 1 đợt theo năm (trong khoảng thời gian tháng 5 hàng năm) và không có thời gian giải quyết không cụ thể.

b) Kiến nghị thực thi:

- Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa: Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/09/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 28/2023/NĐ-CP ngày 02/6/2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Kiến nghị thực thi: Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi Quyết định số 1662/QĐ-BKHCN ngày 15/6/2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố TTHC mới ban hành/TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực tiêu chuẩn đo lường chất lượng và TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tổng chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 4.324.000 đồng/năm.

- Tổng chi phí sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 2.162.000 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 2.162.000 đồng/năm

- Tỷ lệ giảm chi phí: 50%.

253. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (1.001786)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính này ở cấp tỉnh.

- Cắt giảm một số thông tin trong thành phần hồ sơ về sơ yếu lý lịch theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Lý do: Thực hiện tra cứu được thông tin số căn cước công dân, ngày sinh, giới tính, nơi ở hiện nay trên cơ sở dữ liệu dân cư quốc gia.

b) Kiến nghị thực thi:

- Văn bản, quy định kiến nghị đơn giản hóa: Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 29/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Cắt giảm một số thông tin trong thành phần hồ sơ về sơ yếu lý lịch theo quy định tại Điểm c, Khoản 4, Điều 6, Thông tư số 03/2014/TT-BKHHCN ngày 31/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.

- Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 819/QĐ-BKHHCN ngày 17/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ (Lĩnh vực: hoạt động khoa học và công nghệ).

c) Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tổng chi phí tuân thủ trước khi cắt giảm, đơn giản hóa: 714.658.250 đồng/năm.

- Tổng chi phí sau khi cắt giảm, đơn giản hóa: 667.355.750 đồng/năm

- Chi phí tiết kiệm: 47.302.500 đồng/năm

- Tỷ lệ giảm chi phí: 6,62%.

XVI. THANH TRA TỈNH

254. Tiếp công dân tại cấp xã (1.010945)

a) Nội dung đơn giản hóa: Rút ngắn thời gian giải quyết hồ sơ từ 10 ngày làm việc xuống 08 ngày làm việc.

Lý do: Nhằm giảm thời gian trong việc giải quyết TTHC, tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân.

b) *Kiến nghị thực thi*: Sửa đổi thời gian giải quyết hồ sơ theo quy định tại Theo Khoản 1, Điều 28, Luật Tiếp công dân.

c) *Lợi ích phương án đơn giản hóa*:

Chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 10 ngày công X 260.000 = 2.600.000 đồng (lượt đi nộp hồ sơ, lượt nhận kết quả);

Chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 08 ngày công X 260.000 = 2.080.000 đồng

Chi phí tiết kiệm: 520.000 đồng (02 ngày công).

Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 20%..